

THÔNG TIN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2026

(cập nhật ngày **29/5/2026**)

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng kế hoạch tuyển sinh)

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

2. Mã trường: DDS.

3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu): số 459 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: <http://ued.udn.vn> hoặc <https://tuyensinh.ued.udn.vn/>.

5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo: <https://www.facebook.com/ueddn>.

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02363.789976 - 0898.204.204.

7. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất: Xét tuyển.

8. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://tuyensinh.ued.udn.vn/>

Danh mục ngành được phép đào tạo xem tại **Phụ lục I**

9. Điều kiện bảo đảm chất lượng

9.1. Quy mô đào tạo trình độ tiến sĩ tính đến ngày 31/12/2025 (Người học)

STT	Lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
1.1	<i>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</i>			22
1.1.1	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	9140111	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	6
1.1.2	Quản lý giáo dục	9140114	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	16
1.2	<i>Khoa học sự sống</i>			8
1.2.1	Sinh học	9420101	Khoa học sự sống	8
1.3	<i>Khoa học tự nhiên</i>			2
1.3.1	Hóa hữu cơ	9440114	Khoa học tự nhiên	2
1.4	<i>Toán và thống kê</i>			7
1.4.1	Đại số và lí thuyết số	9460104	Toán và thống kê	4
1.4.2	Toán học	9460101	Toán và thống kê	3

STT	Lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
1.5	Máy tính và công nghệ thông tin			3
1.5.1	Hệ thống thông tin	9480104	Máy tính và công nghệ thông tin	3
1.6	Nhân văn			21
1.6.1	Văn học Việt Nam	9220121	Nhân văn	0
1.6.2	Ngôn ngữ học	9229020	Nhân văn	13
1.6.3	Lịch sử Việt Nam	9229013	Nhân văn	8
1.7	Khoa học xã hội và hành vi			0
1.7.1	Tâm lý học	9310401	Khoa học xã hội và hành vi	0
1.8	Môi trường và bảo vệ môi trường			0
1.8.1	Quản lý tài nguyên và môi trường	9850101	Môi trường và bảo vệ môi trường	0

9.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

- Tổng diện tích đất của trường (ha): 47585,0 m²
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 146 phòng, 7.280 m²
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 3,15m²/sinh viên.

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo		15,606
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	1,162
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	16	4,337
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	44	4,145
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	61	4,277
1.5	Số phòng học đa phương tiện	4	440
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	17	1,245
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	1,330
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	56	9,443
	TỔNG		26,379

9.3. Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh:
Xem tại Phụ lục II.

Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo

TT	Nội dung công khai	Đường link của Trường
1	Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi)	https://tuyensinh.ued.udn.vn/index.php/dai-hoc-chinh-quy/
2	Địa chỉ công khai chương trình đào tạo	https://ued.udn.vn/2025/11/09/chuong-trinh-dao-tao-ke-hoach-dao-tao-ap-dung-cho-khoa-ts-2025/
3	Địa chỉ công khai ngành đào tạo	https://tuyensinh.ued.udn.vn/index.php/dai-hoc-chinh-quy/cac-nganh-dao-tao/
4	Địa chỉ công khai đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý	https://ued.udn.vn/2025/06/16/thong-tin-cong-khai-truong-dai-hoc-su-pham-dhdn-nam-hoc-2024-2025/(Muc 4)
5	Địa chỉ công khai cơ sở vật chất	https://ued.udn.vn/2025/06/16/thong-tin-cong-khai-truong-dai-hoc-su-pham-dhdn-nam-hoc-2024-2025/(Muc 3)
6	Địa chỉ công khai thông tin tài chính, học phí	https://ued.udn.vn/2025/06/16/thong-tin-cong-khai-truong-dai-hoc-su-pham-dhdn-nam-hoc-2024-2025/(Muc 5)
7	Địa chỉ công khai quy mô đào tạo	https://ued.udn.vn/2025/06/16/thong-tin-cong-khai-truong-dai-hoc-su-pham-dhdn-nam-hoc-2024-2025/(Muc 2.1)
8	Địa chỉ công khai tỷ lệ sinh viên có việc làm	https://ued.udn.vn/2025/06/16/thong-tin-cong-khai-truong-dai-hoc-su-pham-dhdn-nam-hoc-2024-2025/(Muc 6)
9	Địa chỉ công khai kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành	https://tuyensinh.ued.udn.vn/index.php/dai-hoc-chinh-quy/

II. Thông tin tuyển sinh**1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh***1.1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển*

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc là tác giả, đồng tác giả của bài báo, báo cáo khoa học đã công bố trên các tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa

học chuyên ngành (có phản biện) liên quan đến lĩnh vực thuộc ngành đăng ký dự tuyển; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa (theo mẫu tại **Phụ lục III**).

1.2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại **Phụ lục IV** của Đề án này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ GDĐT công bố còn hiệu lực trong vòng 2 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

1.3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ mà chương trình đào tạo được giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Việt.

2. Phương thức tuyển sinh và hình thức xét tuyển

2.1. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển, thông qua hình thức đánh giá hồ sơ đăng ký xét tuyển và báo cáo đề cương nghiên cứu để đánh giá năng lực học tập, nghiên cứu của thí sinh.

2.2. Hình thức xét tuyển

- Trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp;

- Hình thức tuyển sinh trực tuyến và kết hợp được tổ chức khi đáp ứng những điều kiện đảm bảo chất lượng như đối với tuyển sinh trực tiếp.

- Việc tuyển sinh trình độ tiến sĩ của Trường được tổ chức nhiều lần trong năm và do Hiệu trưởng quyết định.

- Sau khi NCS trúng tuyển và nhập học, Trường sẽ tiến hành hậu kiểm tuyển sinh trình độ tiến sĩ theo quy định.

3. Thời gian và hình thức đào tạo

- Thời gian đào tạo tiêu chuẩn của trình độ tiến sĩ của Trường từ 03 năm (36 tháng) đến 04 năm (48 tháng).

- Mỗi nghiên cứu sinh có một kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa năm

trong khung thời gian đào tạo tiêu chuẩn phê duyệt kèm theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh theo mẫu quy định tại **Phụ lục III**.

- Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy; nghiên cứu sinh phải dành đủ thời học tập, nghiên cứu tại cơ sở đào tạo theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

STT	Mã ngành	Ngành	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	9140114	Quản lý giáo dục	10	
2	9140111	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn gồm các định hướng: <i>1. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán</i> <i>2. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tin học</i> <i>3. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý</i> <i>4. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học</i> <i>5. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học</i> <i>6. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn</i> <i>7. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử</i> <i>8. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lý</i> <i>9. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Khoa học tự nhiên</i> <i>10. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục công dân</i> <i>11. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Âm nhạc</i>	22	
3	9440114	Hóa hữu cơ	5	
4	9420101	Sinh học	5	
5	9480104	Hệ thống thông tin	5	
6	9460101	Toán học	5	
7	9460104	Đại số và lý thuyết số	5	
8	9229020	Ngôn ngữ học	10	
9	9229013	Lịch sử Việt Nam	10	
10	9310401	Tâm lý học	5	
11	9850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	5	
		Tổng cộng	87	

5. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo

Các hướng nghiên cứu, các đề tài nghiên cứu đã và đang triển khai tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng liên quan đến các ngành đăng ký tuyển sinh năm 2026 xem tại **Phụ lục V**.

Danh mục hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS: xem tại **Phụ lục VI**.

6. Tổ chức tuyển sinh

- Thời gian xét tuyển (dự kiến): Tháng 5, 7, 9 và 11.

- Số đợt xét tuyển: 4 đợt/năm.

7. Lệ phí xét tuyển

- Lệ phí xét tuyển: 3.000.000đ/thí sinh/hồ sơ.

- Thực hiện theo Quyết định số 347/QĐ-ĐHSP ngày 13/3/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐ về việc quy định mức thu và hình thức thu các loại phí cho hoạt động tuyển sinh năm 2026.

8. Học phí dự kiến, lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

- Thực hiện theo Thông báo số 331/TB-ĐHSP ngày 06/3/2026 của Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐ quy định mức thu học phí chương trình đào tạo trình độ sau đại học, học kỳ II năm học 2025-2026

- Học phí học kỳ II năm học 2025-2026, cụ thể như sau:

+ Khối ngành I (*Quản lý giáo dục, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn*): 19.875.000đ/học kỳ.

+ Khối ngành IV (*Hoá hữu cơ, Sinh học*) : 21.375.000đ/học kỳ.

+ Khối ngành V (*Đại số và lý thuyết số, Toán học, Hệ thống thông tin*): 23.125.000đ/học kỳ.

+ Khối ngành VII (*Ngôn ngữ học, Lịch sử Việt Nam, Tâm lý học, Quản lý Tài nguyên và Môi trường*): 21.125.000đ/học kỳ.

- Lộ trình tăng học phí thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐ.

9. Danh mục ngành phù hợp với ngành đăng ký tuyển sinh, danh mục các môn học bổ sung

Xem tại **Phụ lục VII**.

Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh

Trường Đại học Sư phạm cam kết sẽ giải quyết tất cả các khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm trong tuyển sinh.

Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành) Theo Quy định chung của Bộ GDĐT và ĐHQĐ.

Cán bộ kê khai

(*đã ký*)

ThS. Đàm Minh Anh

Ngày tháng năm 2026

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(*đã ký*)

TS. Phan Đức Tuấn

PHỤ LỤC I**DANH MỤC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản ban hành văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>	<i>(8)</i>	<i>(9)</i>	<i>(10)</i>
1	Hóa hữu cơ	9440114	130/QĐ-BGDĐT	09/01/2008			Bộ Giáo dục và Đào tạo	2008	2025
2	Lịch sử Việt Nam	9229013	4298/QĐ-ĐHĐN	17/12/2021			Đại học Đà Nẵng	2021	2025
3	Sinh học	9420101	4299/QĐ-ĐHĐN	17/12/2021			Đại học Đà Nẵng	2021	2025
4	Quản lý giáo dục	9140114	1163/QĐ-ĐHĐN	12/04/2018			Đại học Đà Nẵng	2018	2025
5	Hệ thống thông tin	9480104	2801/QĐ-ĐHĐN	25/08/2017			Đại học Đà Nẵng	2017	2025
6	Đại số và lý thuyết số	9460104	198/QĐ-ĐHĐN	21/01/2019			Đại học Đà Nẵng	2019	2025
7	Toán học	9460101	5565/QĐ-ĐHĐN	27/12/2023			Đại học Đà Nẵng	2024	2025
8	Ngôn ngữ học	9229020	1823/QĐ-BGDĐT	31/05/2016			Bộ Giáo dục và Đào tạo	2016	2025

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
9	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	9140111	836/QĐ-ĐHĐN	10/03/2020			Đại học Đà Nẵng	2020	2025
10	Tâm lý học	9310401	496/QĐ-ĐHĐN	10/02/2026			Đại học Đà Nẵng	2026	
11	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	9850101	497/QĐ-ĐHĐN	10/02/2026			Đại học Đà Nẵng	2026	

PHỤ LỤC II

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU ĐỦ ĐIỀU KIỆN HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH

TT	Ngành đào tạo	Họ và tên		Chức danh khoa học		Trình độ	Chuyên môn được đào tạo
				GS	PGS	TS	
1	Quản lý giáo dục	Hồ Trần Ngọc	Oanh			x	Khoa học Giáo dục (Chuyên ngành LL&PPDHBM)
		Lê Thị Thanh	Tịnh			x	Khoa học Giáo dục
		Nguyễn Thu	Trang			x	Nhân học (Giáo dục đa văn hoá)
		Trần Xuân	Bách		x		QLGD
		Phạm Thế	Kiên			x	QLGD
		Lê Thị	Liên			x	QLGD
		Vũ Đình	Chuẩn			x	QLGD
		Nguyễn Quang	Giao		x		QLGD
		Nguyễn Hữu	Quý			x	QLGD
		Lê Thị	Duyên			x	GDH
2	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn						
2.1	Định hướng Lý luận & PPDH bộ môn Vật lý	Phùng Việt	Hải			x	LL và PPDH bộ môn Vật lý
		Lê Thanh	Huy		x		LL và PPDH bộ môn Vật lý
		Nguyễn Bảo Hoàng	Thanh		x		LL và PPDH bộ môn Vật lý
		Trần	Quỳnh			x	LL và PPDH bộ môn Vật lý
		Lê Thị Minh	Phương			x	LL và PPDH bộ môn Vật lý
		Phan Thị Hà	Linh			x	LL và PPDH bộ môn Vật lý
2.2	Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	Nguyễn Thanh	Hưng		x	x	LL và PPDH môn Toán
2.3		Trần Văn	Hưng		x	x	LL và PPDH môn Tin học

TT	Ngành đào tạo	Họ và tên		Chức danh khoa học		Trình độ	Chuyên môn được đào tạo
				GS	PGS	TS	
	<i>Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tin học</i>	Phạm Dương Thu	Hằng			x	LL và PPDH môn Tin học
		Đinh Thị Mỹ	Hạnh			x	LL và PPDH môn Tin học
2.4	<i>Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học</i>	Trương Thị Thanh	Mai			x	Lý luận và PPDH Sinh học
		Kiều Thị	Kính		x	x	Giáo dục học
2.5	<i>Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn</i>	Hồ Trần Ngọc	Oanh			x	Khoa học Giáo dục (Chuyên ngành LL&PPDHBM)
		Lê Thị Thanh	Tịnh			x	Khoa học Giáo dục
		Nguyễn Thị Thuý	Nga			x	Giáo dục học (Chuyên ngành LL&PPDHBM)
		Nguyễn Phương	Khánh			x	Văn học
		Võ Thị	Bảy			x	Văn học
		Nguyễn Thị Thanh	Ngân			x	Ngôn ngữ học
		Trần Văn	Sáng		x		Ngôn ngữ học
		Trịnh Quỳnh Đông	Nghi			x	Ngôn ngữ học
2.6	<i>Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lý</i>	Nguyễn Thu	Trang			x	Nhân học (Giáo dục đa văn hóa)
		Trương Văn Cảnh			x	x	Địa kinh tế - xã hội và quy hoạch không gian
		Nguyễn Văn Thái				x	LL và PPDH bộ môn Địa lí
		Đoàn Thị Thông				x	LL và PPDH bộ môn Địa lí
		Nguyễn Phú Thắng				x	Địa lý học
		Nguyễn Thị Thu Hiền				x	Địa lý tự nhiên
		Nguyễn Thị Hồng				x	Địa lý học
		Nguyễn Thanh Tường				x	Khoa học môi trường
Nguyễn Đặng Thảo Nguyên				x	Địa lý học		

TT	Ngành đào tạo	Họ và tên		Chức danh khoa học		Trình độ	Chuyên môn được đào tạo
				GS	PGS	TS	
2.7	<i>Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Âm nhạc</i>	Trương Quang Minh	Đức			x	LLvà PPDH bộ môn Âm nhạc
		Nguyễn Hoàng Tịnh	Uyên			x	LLvà PPDH bộ môn Âm nhạc
2.8	<i>Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục công dân</i>	Hồ Thanh	Hải			x	LL&PPDHBM GDCT
		Phan Thị Nhật	Tài			x	Luật kinh tế
		Nguyễn Văn	Đông			x	Luật Kinh tế
		Nguyễn Thị Hoài	Thương			x	Luật Kinh tế
		Võ Công	Khôi			x	Luật hành chính
		Lê	Ra			x	Luật hình sự
		Nguyễn Thị	Hương			x	Kinh tế chính trị
		Nguyễn Thị	Lộc			x	Kinh tế
		Nguyễn Văn	Quế			x	Triết học
		Dương Đình	Tùng			x	Triết học
Nguyễn Duy	Quý			x	Hồ Chí Minh học		
2.9	<i>Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học</i>	Bùi Ngọc Phương	Châu			x	LL&PP dạy học Hóa học
		Đỗ Thị Thúy	Vân			x	Hóa hữu cơ
		Đinh Văn	Tạc			x	Hóa vô cơ
		Lê Tự	Hải		x		Hóa lý
		Võ Thắng	Nguyên		x		Hóa học
		Đặng Công	Nghĩa			x	Hóa hữu cơ
		Trần Đức	Mạnh			x	Hóa hữu cơ
2.10	<i>Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Khoa học tự nhiên</i>	Lê Thanh	Huy		x		LL và PPDH bộ môn Vật lý
		Nguyễn Bảo Hoàng	Thanh		x		LL và PPDH bộ môn Vật lý
		Phùng Việt	Hải			x	LL và PPDH bộ môn Vật lý
		Trần	Quỳnh			x	LL và PPDH bộ môn Vật lý
		Lê Thị Minh	Phương			x	LL và PPDH bộ môn Vật lý

TT	Ngành đào tạo	Họ và tên		Chức danh khoa học		Trình độ	Chuyên môn được đào tạo
				GS	PGS	TS	
		Phan Thị Hà	Linh			x	LL và PPDH bộ môn Vật lý
		Bùi Ngọc Phương	Châu			x	LL và PPDH bộ môn Hóa học
		Trương Thị Thanh	Mai			x	LL và PPDH bộ môn Sinh học
		Nguyễn Thị Hải	Yên			x	LL và PPDH bộ môn Sinh học
		Võ Thị Bích	Thủy			x	LL và PPDH bộ môn Sinh học
		Ngô Thị Hoàng	Vân			x	LL và PPDH bộ môn Sinh học
		Trần Văn	Hưng		x		LL và PPDH bộ môn Tin học
2.11	<i>Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử</i>	Trương Trung	Phương			x	Lý luận và PPDH bộ môn Lịch sử
		Lưu	Trang		x		Lịch sử Việt Nam
		Trương Anh	Thuận		x		Lịch sử
		Nguyễn Duy	Phương		x		Lịch sử Việt Nam
		Nguyễn Minh	Phương		x		Lịch sử Việt Nam
		Nguyễn Văn	Sang		x		Lịch sử Thế giới
		Trần Xuân	Hiệp		x		Lịch sử Thế giới
3	Hóa hữu cơ	Lê Thị	Mai			x	Lịch sử
		Mai Văn	Bảy			x	Hóa lý thuyết- Hóa lý
		Nguyễn Đình	Chương			x	Kỹ thuật
		Vũ Thị	Duyên			x	Hoá học
		Lê Tự	Hải		x		Điện hóa học
		Giang Thị Kim	Liên		x		Hoá hữu cơ
		Trần Đức	Mạnh			x	Hoá hữu cơ
		Đặng Công	Nghĩa			x	Hoá hữu cơ
		Nguyễn Trần	Nguyên		x		Hoá hữu cơ
		Võ Thắng	Nguyên		x		Hoá học
		Đinh Văn	Tạc			x	Hoá vô cơ
Nguyễn Minh	Thông			x	Hóa lý thuyết- Hóa lý		

TT	Ngành đào tạo	Họ và tên		Chức danh khoa học		Trình độ	Chuyên môn được đào tạo
				GS	PGS	TS	
		Đỗ Thị Thúy	Vân			x	Hoá hữu cơ
4	Sinh học	Trịnh Đăng	Mậu		x		Sinh học
		Nguyễn Minh	Lý		x		Nông nghiệp
		Võ Văn	Minh		x		Môi trường - Sinh học
		Trần Quang	Dần			x	Khoa học sản xuất tài nguyên thực vật
		Võ Châu	Tuấn			x	Sinh lý thực vật
		Phạm Thị	Mỹ			x	Công nghệ sinh học
		Đoạn Chí	Cường			x	Nông nghiệp
		Bùi Thị	Thơ			x	Khoa học y sinh
		Nguyễn Hồ	Lam		x		Khoa học cây trồng
5	Hệ thống thông tin	Nguyễn Thị Ngọc	Anh			x	Khoa học máy tính
		Đoàn Duy	Bình			x	Khoa học máy tính
		Nguyễn Hoàng	Hải			x	Tính toán hiệu năng cao
		Nguyễn Đình	Lâu			x	Khoa học máy tính
		Phạm Anh	Phương			x	Khoa học máy tính
		Đặng Hùng	Vi			x	Khoa học máy tính
		Nguyễn Trần Quốc	Vinh			x	Hệ thống thông tin
6	Toán học	Phạm Quý	Mười		x		Toán ứng dụng
		Lê Văn	Dũng		x		Xác suất và thống kê
		Trương Công	Quỳnh		x		Đại số và lý thuyết số
		Nguyễn Thành	Chung		x		Giải tích
		Trần Văn	Sự		x		Giải tích
		Hoàng Nhật	Quy		x		Giải tích
		Lương Quốc	Tuyền			x	Giải tích

TT	Ngành đào tạo	Họ và tên		Chức danh khoa học		Trình độ	Chuyên môn được đào tạo
				GS	PGS	TS	
		Phan Đức	Tuấn			x	Giải tích
		Trần Nam	Sinh			x	Đại số và lý thuyết số
		Nguyễn Lê	Trâm			x	Toán học
		Tôn Thất	Tú			x	Xác suất và thống kê
		Nguyễn Ngọc	Thạch			x	Toán ứng dụng
		Chử Văn	Tiếp			x	Toán ứng dụng
7	Đại số và Lý thuyết số	Trương Công	Quỳnh		x		Đại số và lý thuyết số
		Trần Nam	Sinh			x	Đại số và lý thuyết số
		Nguyễn Đại	Dương			x	Đại số và Lý thuyết số
8	Ngôn ngữ học	Trần Văn	Sáng		x		Ngôn ngữ học
		Bùi Trọng	Ngoãn		x		Ngôn ngữ học
		Nguyễn Thị Thanh	Ngân			x	Ngôn ngữ học
		Trịnh Quỳnh Đông	Nghi			x	Ngôn ngữ học
		Nguyễn Hoàng	Thân			x	Hán Nôm
9	Lịch sử Việt Nam	Lưu	Trang		x		Lịch sử
		Nguyễn Duy	Phương		x		Lịch sử
		Nguyễn Minh	Phương		x		Lịch sử
		Trương Anh	Thuận		x		Lịch sử
		Nguyễn Văn	Sang		x		Lịch sử
		Lê Thị	Mai			x	Lịch sử
		Trần Xuân	Hiệp		x		Lịch sử
		Ngô Văn	Hà		x		Lịch sử
		Lê Thị Thu	Hiền			x	Văn hóa học
Trần Thị Mai	An			x	Nhân học		
10	Tâm lý học	Bùi Thị Thanh	Diệu		x		Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên

TT	Ngành đào tạo	Họ và tên		Chức danh khoa học		Trình độ	Chuyên môn được đào tạo
				GS	PGS	TS	
		Lê Quang	Son	x			Tâm lý học
		Hoàng Thế	Hải		x		Tâm lý học
		Lê Mỹ	Dung		x		Tâm lý học
		Nguyễn Thị Trâm	Anh		x		Tâm lý học
		Nguyễn Thị Hằng	Phương		x		Tâm lý học
		Hồ Thị Thuý	Hằng		x		Tâm lý học
11	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Võ Văn	Minh		x		Môi trường
		Kiều Thị	Kính		x		Giáo dục môi trường
		Trịnh Đăng	Mậu		x		Sinh học
		Trần Nguyễn Quỳnh	Anh			x	Quản lý môi trường
		Chu Mạnh	Trình			x	Khoa học môi trường và Bảo vệ môi trường
		Đoạn Chí	Cường			x	Nông nghiệp
		Nguyễn Thanh	Tường			x	Khoa học môi trường
		Nguyễn Phú	Thắng			x	Địa lí học
		Nguyễn Thị Tường	Vi			x	Sinh học
		Phùng Khánh	Chuyên			x	Khoa học Môi trường
		Nguyễn Văn	An			x	Khoa học và công nghệ môi trường

PHỤ LỤC III**KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA CỦA NGHIÊN CỨU SINH**

Cơ sở đào tạo:

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Tên đề tài:

Ngành đào tạo:

Mã ngành đào tạo:

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Kết quả dự kiến
Năm thứ 1	<i>Các học phần về chuyên môn bổ sung (nếu có)</i>	<i>10 - 12 tín chỉ</i>	<i>Chứng nhận kết thúc học phần</i>
	<i>Các học phần về phương pháp nghiên cứu</i>	<i>04 - 06 tín chỉ</i>	<i>Chứng nhận kết thúc học phần</i>
Năm thứ 2	<i>Thực hiện phần 1 của Luận án</i>	<i>đến 24 tín chỉ</i>	<i>Chương Tổng quan về vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu,...</i>
Năm thứ 3	<i>Thực hiện phần 2 của Luận án</i>	<i>đến 30 tín chỉ</i>	<i>Luận án và các bài công bố,...</i>
Năm thứ 4	<i>Thực hiện phần 3 của Luận án</i>	<i>Số tín chỉ còn lại của chương trình 04 năm</i>	<i>Luận án và các bài công bố,...</i>

Lưu ý: phần in nghiêng là ví dụ về các nội dung trong kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa. Kế hoạch cụ thể của nghiên cứu sinh được xây dựng căn cứ vào quy định của Trường về chương trình đào tạo tiến sĩ đã công bố.

PHỤ LỤC IV

**DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG
CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN**

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
		Aptis ESOL	B2 (chỉ chấp nhận các chứng chỉ được cấp sau ngày 31/3/2023)
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКН-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

Lưu ý: Các chứng chỉ khác không nằm trong danh mục này được Bộ GDĐT công bố sử dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, Trường sẽ xem xét nếu thí sinh cung cấp đầy đủ minh chứng hợp lệ.

PHỤ LỤC V**CÁC HƯỚNG NGHIÊN CỨU, CÁC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM – ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH TUYỂN SINH NĂM 2025**

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
1. Quản lý giáo dục					
1	Phát triển chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý trường Mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	T2014-ĐN-01.13	PGS.TS. Trần Xuân Bách	2014-2015	
2	Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; kế thừa và phát triển, giữ gìn bản sắc văn hóa con người Sơn Trà giai đoạn 2025 - 2030, định hướng đến năm 2045	T2026-LK-05	TS Lê Thị Thanh Tịnh	2026	Đề tài đặt hàng của địa phương
3	Nghiên cứu xây dựng mô hình công bố quốc tế tại Học viện Dân tộc	HVDT/2021-04	TS Nguyễn Thu Trang	2021	
4	Phát triển chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý trường Mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	T2014-ĐN-01.13	PGS.TS. Trần Xuân Bách	2014-2015	
5	Giáo dục kỹ năng	Quyết định số 36/QĐ-	TS. Phạm	2018-2019	Đề tài cấp

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
	sống cho học sinh tiểu học tỉnh Quảng Trị thông qua hoạt động dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay	UBND ngày 09/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị	Thế Kiên		tỉnh/ thành viên
6	Quản lý đội ngũ viên chức quản lý Đại học Huế theo tiếp cận quản lý nguồn nhân lực	DHH2018-08-08	TS. Phạm Thế Kiên	2019-2019	Đề tài cấp ĐH Huế/ Chủ nhiệm
7	Phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp sáng tạo của sinh viên Đại học Huế	DHH2020-08-11	TS. Phạm Thế Kiên	2020-2021	Đề tài cấp ĐH Huế/ thành viên
8	Xây dựng văn hoá “cộng đồng nghề nghiệp” trong tập thể sư phạm ở các trường phổ thông	B2021-DHH-12	TS. Phạm Thế Kiên	2021-2022	Đề tài cấp Bộ/ thành viên
9	Nghiên cứu sự hài lòng trong công việc của đội ngũ giảng viên Đại học Huế	DHH2022-08-13	TS. Phạm Thế Kiên	2022-2023	Đề tài cấp ĐH Huế/ Chủ nhiệm
10	Nghiên cứu ứng dụng mô hình “Quản lý dựa trên nhà trường” ở các trường phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay của Việt Nam	B2023-DHH-16	TS. Phạm Thế Kiên	2023-2025	Đề tài cấp Bộ/ Chủ nhiệm
11	Nhận thức và thực hành tự chủ trường học của hiệu trưởng trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông ở Việt Nam	503.01-2024.01	TS. Phạm Thế Kiên	2024-2026	Đề tài Nafosted/ thành viên
12	Vai trò của văn hoá học thuật đối với sự	503.01-2025.32	TS. Phạm Thế Kiên	2026-2028	Đề tài Nafosted/

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
	phát triển năng lực chuyên môn của giảng viên các trường đại học				thành viên
13	Phát triển vốn tâm lý cho giáo viên tiểu học trong môi trường làm việc hỗ trợ	B2026-SPH-08	TS. Lê Thị Liên	2026-2027	Đề tài cấp Bộ/ thành viên
14	Phát triển năng lực tư vấn và hỗ trợ học sinh trong hoạt động giáo dục cho giáo viên Tiểu học đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018	B2021-DNA-07	TS. Lê Thị Duyên	2021-2023	Đề tài Khoa học và công nghệ cấp Bộ/ chủ nhiệm
15	Xây dựng chương trình tư vấn hướng nghiệp cho học sinh phổ thông	B2017-ĐN3-09	TS. Lê Thị Duyên	2017-2019	Đề tài Khoa học và công nghệ cấp ĐH Đà Nẵng/ chủ nhiệm
16	Nâng cao chất lượng dạy học môn giáo dục học thông qua vận dụng quan điểm sư phạm tương tác	T2015-03	TS. Lê Thị Duyên	2015	Đề tài khoa học và công nghệ cấp trường/ Chủ nhiệm
17	Giải pháp tăng cường khả năng tiếp cận giáo dục cho trẻ khuyết tật khu vực Miền Trung - Tây Nguyên	NCUD.10-2025.05	TS. Lê Thị Duyên	2026-2028	Đề tài Quỹ Khoa học công nghệ Quốc Gia Nafosted / Chủ nhiệm
18	Giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện chương trình Hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong chương		TS. Lê Thị Duyên	2026-2027	Đề tài Sở Khoa học và công nghệ TP Đà Nẵng/ chủ nhiệm

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
	trình giáo dục phổ thông 2018 cho các trường phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.				
19	Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THCS trên địa bàn TP Đà Nẵng thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp		TS. Lê Thị Duyên	2013	Đề tài Sở Khoa học và công nghệ cấp trường/ chủ nhiệm
20	Xây dựng mô hình chăm sóc sức khỏe tâm thần tích hợp công nghệ số và trí tuệ nhân tạo cho công nhân Việt Nam	NCUD.10-2025.30	TS. Lê Thị Duyên	2026-2028	Đề tài Quỹ Khoa học công nghệ Quốc Gia Nafosted / Thành viên
21	Phát triển năng lực quản lý hành vi học sinh cho giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Đà Nẵng		TS. Lê Thị Duyên	2020-2021	Đề tài Sở Khoa học và công nghệ TP Đà Nẵng/ Thành viên
22	Hình thành năng lực định hướng nghề nghiệp cho học sinh Trung học cơ sở tại thành phố Đà Nẵng thông qua tổ chức hoạt động trải nghiệm		TS. Lê Thị Duyên	2022-2023	Đề tài KHCN cấp Đại học Đà Nẵng/ Thư ký
23	Xây dựng chương trình hỗ trợ cha mẹ kiến thức và kỹ năng chăm sóc, giáo dục trẻ dưới 36 tháng tuổi trong gia đình	B2019-DNA-10	TS. Lê Thị Duyên	2020-2022	Đề tài Khoa học và công nghệ cấp Bộ/ Thư ký khoa học
24	Xây dựng chương trình hiểu biết về sức khỏe tâm thần cho học sinh Trung học	B2019-DNA-09	2020-2021		Đề tài Khoa học và công nghệ cấp Bộ/ Thành

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
	phổ thông				viên
25	Nghiên cứu đề xuất giải pháp bồi dưỡng kỹ năng tư vấn tâm lý cho giáo viên chủ nhiệm tại các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Kiên Giang		TS. Lê Thị Duyên	2019-2020	Đề tài sở Khoa học và công nghệ tỉnh Kiên Giang
26	Biện pháp phòng ngừa bạo lực học đường ở trường trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Đà Nẵng		TS. Lê Thị Duyên	2020-2021	Đề tài khoa học và công nghệ cấp trường ĐH Sư phạm (Đề tài trọng điểm) / thành viên
2. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn					
<i>2.1. Định hướng Lý luận & PPDH bộ môn Vật lý</i>					
1	Phát triển năng lực hợp tác cho học sinh thông qua vận dụng dạy học dự án phần cơ học Vật lí lớp 10	T2021-KN-15	TS. Trần Quỳnh	2021-2022	
2	Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập phát triển năng lực Vật lý phần Điện của học sinh trung học phổ thông	B2019-DN03-39	PGS.TS. Nguyễn Bảo Hoàng Thanh	2019-2021	
3	Nghiên cứu xây dựng và tổ chức dạy học các chủ đề tích hợp lĩnh vực khoa học tự nhiên đáp ứng đổi mới giáo dục ở bậc THCS	B2017-ĐN03-11	TS. Lê Thanh Huy	2017-2019	
4	Thiết kế, chế tạo và mô phỏng các dự án STEM tích hợp AI,	T2025-ĐH-04	PGS.TS. Trần Văn Hưng (CN),	2025-2026	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
	IoT vào hỗ trợ công tác đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng		PGS.TS. Lê Thanh Huy, TS. Phùng Việt Hải, TS. Trần Quỳnh (thành viên)		
5	Sử dụng thí nghiệm kết hợp thiết bị di động thông minh theo định hướng phát triển năng lực tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ vật lí	DHH2024-03-190	Quách Nguyễn Bảo Nguyên (CN), Phùng Việt Hải, Trần Quỳnh, Huỳnh Thị Lành, Nguyễn Trường Vũ	2024-2026	
6	Phát triển bài thí nghiệm phục vụ hoạt động trải nghiệm STEM	B2025-DHH-25	Ngô Khoa Quang (CN), Quách Nguyễn Bảo Nguyên, Phùng Việt Hải, Lê Xuân Diễm Ngọc, Tôn Đức Hồng, Phan Thị Thùy Ngọc	2024-2026	
7	Ứng dụng điện toán lượng tử trong công nghệ số	T2022-TN-09	TS. Dũng Văn Lữ	2022-2023	
8	Nghiên cứu tính chất điện tử và quang tử của vật liệu hai chiều và vật liệu có cấu trúc xếp lớp van der Waals	B2022-DNA-14	PGS. TS. Nguyễn Văn Hiếu	2022-2023	
9	Nghiên cứu phát triển vật liệu dẫn nhiệt bề mặt hiệu năng cao trên cơ sở vật liệu graphene fluoride và	B2023.DNA.07	TS. Mai Thị Kiều Liên	2023-2024	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
	boron asenide cho ứng dụng tản nhiệt trong các thiết bị điện tử				
10	Nghiên cứu chế tạo vật liệu đa chức năng và một số tính chất vật lý bằng phương pháp thực nghiệm kết hợp mô phỏng phiếm hàm mật độ	B2023.DNA.22	TS. Đinh Thanh Khản	2023-2024	
<i>2.2. Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán</i>					
1	Thiết kế, chế tạo và mô phỏng các dự án STEM tích hợp AI, IoT vào hỗ trợ công tác đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	NCKH01	Trần Văn Hưng, Nguyễn Thanh Hưng, Lê Thanh Huy, Phùng Việt Hải, Trần Quỳnh, Đồng Minh Long, Đoàn Duy Bình	2025	
<i>2.3. Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tin học</i>					
1	Thiết kế, chế tạo và mô phỏng các dự án STEM tích hợp AI, IoT vào hỗ trợ công tác đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	NCKH01	Trần Văn Hưng, Nguyễn Thanh Hưng, Lê Thanh Huy, Phùng Việt Hải, Trần Quỳnh, Đồng Minh Long, Đoàn Duy Bình	2025	
2	Nghiên cứu thí điểm phòng học ảo thông minh trên nền tảng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ	NCKH01	Đinh Thị Mỹ Hạnh, Trần Văn Hưng, Phạm	2025	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
	dạy và học cho học sinh THPT tại Tp Đà Nẵng		Phi Phụng, Võ Hùng Cường, Lê Thanh Huy, Phạm tấn Ngọc Thụy, Nguyễn Thị Thúy Ngân		
<i>2.4. Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học</i>					
1	Xây dựng tài liệu hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm thiên nhiên cho học sinh trung học cơ sở, TP Đà Nẵng	T2020-LK-01 Cấp trường	PGS. TS. Kiều Thị Kính	2020-2021	
2	Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí trường Đại học bền vững (sustainable campus) cho Việt Nam	B2019-DN-02 Cấp Bộ	PGS.TS. Kiều Thị Kính	2019-2020	
3	Xây dựng Ebook tương tác về biến đổi khí hậu và thiên tai phục vụ giảng dạy cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng	T2018-ĐH-04 Cấp trường	PGS.TS. Kiều Thị Kính	2018-2019	
4	Khai thác nguồn lực tại địa phương hỗ trợ tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Sinh học	Cấp trường	TS. Trương Thị Thanh Mai	2022-2023	
5	Nghiên cứu thực trạng và đề xuất mô hình bồi dưỡng trực tuyến chương trình nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại	Cấp Bộ	TS. Trương Thị Thanh Mai	2023-2024	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
	học đáp ứng yêu cầu đổi mới.				
<i>2.5. Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn</i>					
1	Biện pháp nâng cao chất lượng thực tập sư phạm cho sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng	T2023-KN-20	ThS.NCS Đặng Phúc Hậu	2023-2025	
2	Phát triển năng lực giao tiếp tiếng Việt cho học sinh tiểu học dân tộc thiểu số tỉnh Gia Lai.	T2017-TĐ-03-03	TS Hồ Trần Ngọc Oanh	2018-2019	
3	Nghiên cứu cách chú thích trong sách giáo khoa Ngữ văn trung học.	Đ2015-03-72	PGS.TS Bùi Trọng Ngoãn	2018-2019	
4	Vận dụng lý thuyết ba bình diện vào việc phân tích câu tiếng Việt (Ứng dụng vào việc giảng dạy học phần Ngữ pháp tiếng Việt cho sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn tại trường ĐHSP - ĐH Đà Nẵng)	B2016-DN03-03	PGS.TS Trần Văn Sáng	2018-2020	
5	Xây dựng học liệu số hỗ trợ dạy học “Cơ sở Việt ngữ học 1 của việc dạy học Tiếng Việt tiểu học” tại Trường Đại học Sư phạm- Đại học Đà Nẵng	T2022-TN-11	TS Nguyễn Thị Thanh Ngân	2022-2023	
6	Xây dựng ngữ liệu trong dạy học đọc hiểu văn bản thông tin cho học sinh lớp	T2024-KN-15	ThS.NCS Nguyễn Thanh Tuấn	2024	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
	9				
7	Đánh giá mức độ tích hợp năng lực thông tin truyền thông trong chương trình Ngữ văn hiện hành theo khung tham chiếu của UNESCO	T2025-LK-04	TS Lê Thị Thanh Tịnh	2025-2026	
8	Sử dụng sơ đồ tư duy để phát triển năng lực từ vựng tiếng Việt cho lưu học sinh.	T2022 – TN – 12	TS Trịnh Quỳnh Đông Nghi.	2023-2024	
9	Nghiên cứu phát triển kỹ năng đọc hiểu cho LHS học tiếng Việt tại Trường ĐH Sư phạm - ĐHQĐ.	T2019	TS Trịnh Quỳnh Đông Nghi	2020	
<i>2.6. Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lý</i>					
1	Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập Địa lí 12 ở các trường Trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo định hướng phát triển năng lực	Đ2016-03-73	TS. Nguyễn Văn Thái		
2	Đánh giá tác động của công nghệ thông tin đến động cơ học tập và sự tham gia học tập môn Địa lí ở trường trung học phổ thông	T2022-TN-13	TS. Nguyễn Văn Thái	2022-2024	
<i>2.7. Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Âm nhạc</i>					
1	Dạy học dân ca Bài chòi cho Sinh viên ngành Sư phạm Âm nhạc tại Trường ĐHSPT-ĐHQĐ	T2021-KN-09	TS. Trương Quang Minh Đức	2013	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
2	Đặc điểm của Lý Huế	T2024-KN-17	TS. Nguyễn Hoàng Tịnh Uyên	2025	
3	Xây dựng sản phẩm nghệ thuật ứng dụng nhận diện thương hiệu UED	T2025-DH-03	TS. Trương Quang Minh Đức	2026	
<i>2.8. Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục công dân</i>					
1	Biện pháp nâng cao giáo dục pháp luật trong môn Giáo dục công dân lớp 12 theo định hướng phát triển năng lực ở các trường trung học phổ thông Quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng.	T2020-KN-04.	Hồ Thanh Hải Lê Thị Tuyết Mai	2020	
2	Vận dụng mô hình lớp học đảo ngược trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông thành phố Đà Nẵng.	T2021-KN-12	Lê Thị Tuyết Mai Hồ Thanh Hải	2021	
3	Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về thu hồi đất nông nghiệp để phát triển kinh tế - xã hội tại huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	T2020-KN-03	Nguyễn Văn Đông	2020	
4	Án lệ trong hệ thống pháp luật Common Law và Civil Law – Kinh nghiệm xây dựng và phát triển án lệ đối với hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay	T2020-KN-06	Nguyễn Thị Hoài Thương	2020	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
5	Phòng, chống lao động cường bức dưới góc nhìn quyền con người ở Việt Nam	T2023-KN-08	Phan Thị Nhật Tài	2024	
<i>2.9. Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học</i>					
1	Nghiên cứu hệ thống hóa thuật ngữ và danh pháp hóa học theo chương trình giáo dục phổ thông mới	T2020-KN-01	TS. Bùi Ngọc Phương Châu	2020	
2	Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính chống oxy hóa của dây cứt quạ (<i>Gymnopetalum cochinchinense</i> (Lour.) Kurz).	B2024.DNA.22	TS. Đỗ Thị Thúy Vân	2024-2025	
3	Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của một số loài được chọn lọc từ chi <i>Aralia</i> họ Nhân sâm (Araliaceae) ở Việt Nam.	T2020-TĐ-01	TS. Đỗ Thị Thúy Vân	2020-2021	
4	Nghiên cứu phát triển công nghệ nhuộm màu tự nhiên trên vải lụa tơ tằm và vải sợi tổng hợp thay thế cho công nghệ nhuộm màu hoá chất	192QN	PGS.TS. Lê TỰ Hải	2021-2022	
5	Nghiên cứu tổng hợp nano bạc, vàng, platin, selen bằng phương pháp học xanh với tác nhân khử dịch chiết một số loại thực có hoạt tính sinh học và	B2022.DNA.05	PGS.TS. Lê TỰ Hải	2022-2023	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
	ứng dụng trong lĩnh vực y sinh				
6	Nghiên cứu tổng hợp và đánh giá hoạt tính xúc tác vật liệu Co@CuS_x nano que cấu trúc lõi/vỏ và NiFeP_x nano tấm trên nền vật liệu 3D bọt niken ứng dụng làm hệ xúc tác hiệu quả cho hệ thống điện phân nước sản xuất hydro	B2019.DN03.44	TS. Đinh Văn Tạc	2019-2020	
7	Nghiên cứu điều chế phức $[\text{Cu}(\text{CH}_3\text{CN})_4]\text{PF}_6$ và ứng dụng làm xúc tác trong phản ứng đóng vòng giữa azide và ankin-1	B2016-DNA-32-TT	TS. Đinh Văn Tạc	2016-2017	
8	Nghiên cứu biến tính UiO-66 bằng các kim loại chuyển tiếp và ứng dụng trong phân tích điện hóa	B2022.DNA.16	TS. Trần Đức Mạnh	2022-2023	
9	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng ứng dụng của TCNQF_n .	B2019.DN03.35	TS. Trần Đức Mạnh	2019-2020	
10	Vật liệu composite $\text{TiO}_2 @ \text{Fe}_2\text{O}_3$ cấu trúc xếp lập phương: Tổng hợp và ứng dụng trong xúc tác và điện hóa	B2021.DNA.08	PGS.TS. Võ Thắng Nguyên	2021-2022	
11	Nghiên cứu tổng hợp, đặc trưng vật liệu composite trên nền ZIF-67 và khảo sát ứng dụng của chúng	T2020-TĐ-02	PGS.TS. Võ Thắng Nguyên	2020-2021	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
<i>2.10. Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Khoa học tự nhiên</i>					
1	Nghiên cứu xây dựng và tổ chức dạy học các chủ đề tích hợp lĩnh vực khoa học tự nhiên đáp ứng đổi mới giáo dục ở bậc THCS	B2017-ĐN03-11	TS. Lê Thanh Huy	2017-2019	
2	Thiết kế, chế tạo và mô phỏng các dự án STEM tích hợp AI, IoT vào hỗ trợ công tác đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	T2025-ĐH-04	PGS.TS. Trần Văn Hưng (CN), PGS.TS. Lê Thanh Huy, TS. Phùng Việt Hải, TS. Trần Quỳnh (thành viên)	2025-2026	
3	Sử dụng thí nghiệm kết hợp thiết bị di động thông minh theo định hướng phát triển năng lực tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ vật lí	DHH2024-03-190	Quách Nguyễn Bảo Nguyên (CN), Phùng Việt Hải, Trần Quỳnh, Huỳnh Thị Lành, Nguyễn Trường Vũ	2024-2026	
4	Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập phát triển năng lực Vật lý phân Điện của học sinh trung học phổ thông	B2019-DN03-39	PGS.TS. Nguyễn Bảo Hoàng Thanh	2019-2021	
5	Xây dựng bài giảng thực hành môn Sinh lý thực vật bằng phương pháp hiện thực ảo	T2011-ĐN03-07	Nguyễn Thị Hải Yến	2010-2011	
6	Xây dựng bộ tư liệu hỗ trợ việc dạy và học thí nghiệm thực	Đ2012-03-24	Trương Thị Thanh Mai	2011-2012	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
	hành môn Sinh học – Trung học phổ thông				
<i>2.11. Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử</i>					
1	Tích hợp tri thức biển đảo trong dạy học phần Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỉ XIX ở trường THPT	T2021-TN-03	TS. Trương Trung Phương	2022/11	
2	Xung đột chính trị, tranh chấp lãnh thổ và quyền hàng hải giữa Anh và Hoa Kỳ (1783-1861)	Nasfosted, 601.02-2020.303	PGS.TS. Nguyễn Văn Sang	2020-2022	
3	Hoạt động của cướp biển ở biển đảo Trung bộ Việt Nam và biện pháp đối phó với triều Nguyễn (1802 – 1884)	B2016-ĐN03-02 Cấp Đại học Đà Nẵng	PGS.TS. Nguyễn Duy Phương	2016 - 2018	
4	Nghiên cứu giá trị đường đèo Hải Vân, di tích Hải Vân quan, đường sắt Hải Vân và làng Nam Ô phục vụ phát triển du lịch của thành phố Đà Nẵng	Quyết định số 3640/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng	PGS.TS. Nguyễn Duy Phương	2022 - 2024	
5	Tổ chức phòng thủ và thực thi chủ quyền biển đảo Đà Nẵng trong dưới thời các chúa Nguyễn	B2017-DNA.19 (XHNV 09)	PGS.TS. Lưu Trang, PGS.TS. Nguyễn Duy Phương, PGS.TS. Trương Anh Thuận và cộng sự	2017 - 2019	
6	Nghiên cứu sự biến đổi của làng gốm Thanh Hà qua các thời kỳ phát triển	B2018-ĐN05-17, Đại học Đà Nẵng	PGS.TS. Nguyễn Minh Phương và cộng sự	8/2018 – 7/2020	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
7	Quá trình du nhập và tiếp biến văn hóa phương Tây ở Việt Nam trong các thế kỷ XVI, XVII và XVIII	B2023.DNA.01 Bộ Giáo dục và Đào tạo	PGS.TS. Nguyễn Minh và cộng sự Phương	01/2023-6/2025	
8	Kinh tế Đà Nẵng thời kì Pháp thuộc (1888-1945) qua những nguồn tư liệu mới	Thành phố Đà Nẵng	PGS.TS. Nguyễn Minh Phương	8/2019-5/2022	
9	Hoạt động bảo vệ thương mại và tài nguyên biển dưới triều Nguyễn (1802-1884)	601.01-2021.06 Quỹ KHCN Nafosted	PGS.TS. Lưu Trang, PGS.TS. Nguyễn Minh Phương, PGS.TS. Nguyễn Văn Sang, PGS.TS. Lưu Trang, PGS.TS. Nguyễn Minh Phương, PGS.TS. Trương Anh Thuận và cộng sự	6/2023-5/2026	
10	Lịch sử Đà Nẵng từ khởi thủy đến năm 2020	Thành phố Đà Nẵng	PGS.TS. Lưu Trang, PGS.TS. Nguyễn Minh Phương, PGS.TS. Nguyễn Văn Sang, PGS.TS. Lưu Trang, PGS.TS. Nguyễn Minh Phương,	5/2023-4/2026	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
			PGS.TS. Nguyễn Duy Phương và cộng sự		
3. Hóa hữu cơ					
1	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng ứng dụng của TCNQFn	B2019-DN03-35	TS. Trần Đức Mạnh	8/2019-8/2021	
2	Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của một số loài được chọn lọc từ chi <i>Aralia</i> họ Nhân sâm (Araliaceae) ở Việt Nam.	T2020-TĐ-01	TS. Đỗ Thị Thúy Vân	2020-2021	
3	Nghiên cứu biến tính UiO-66 bằng các kim loại chuyển tiếp và ứng dụng trong phân tích điện hóa.	B2022-DNA-16	TS. Trần Đức Mạnh	2022-2024	
4	Nghiên cứu tổng hợp và đánh giá hoạt tính xúc tác vật liệu Co@CuS _x nano que cấu trúc lõi/vỏ và NiFePx nano tấm trên nền vật liệu 3D bột niken ứng dụng làm hệ xúc tác hiệu quả cho hệ thống điện phân nước sản xuất hydrogen	B2019-DDN03-44	TS. Đinh Văn Tạc	2019-2022	
5	Tổng hợp vật liệu khung hữu cơ kim loại nickel 2 methylimidazole và nghiên cứu tính chất hấp phụ và xúc tác điện phân nước	T2023-TN-03	TS. Vũ Thị Duyên	2023-2024	
6	Nghiên cứu điều chế	B2021-DNA-17	PGS.TS	2021-2023	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
	một số dẫn xuất 2-pyrrolidinone, dẫn xuất pyrrolo [2,3-b] quinoxaline và thử nghiệm hoạt tính kháng khuẩn của chúng		Nguyễn Trần Nguyên		
7	Nghiên cứu tổng hợp nano bạc, vàng, platin, selen bằng phương pháp học xanh với tác nhân khử dịch chiết một số loại thực có hoạt tính sinh học và ứng dụng trong lĩnh vực y sinh	B-2022-DNA-05	PGS.TS Lê Tự Hải	2022-2024	
8	Sàng lọc các hợp chất chống oxy hóa tự nhiên nhằm phát triển thuốc mới điều trị bệnh ung thư bằng phương pháp in silico	B2021-DN01-01	TS. Nguyễn Minh Thông	2021-2024	
9	Nghiên cứu hoạt tính kháng oxy hoá của các hợp chất phenolic có nguồn gốc tự nhiên bằng phương pháp hoá học tính toán	B2020 DN03-47	TS. Mai Văn Bảy	2020-2023	
10	Vật liệu composite $TiO_2@Fe_2O_3$ cấu trúc xếp lập phương: Tổng hợp và ứng dụng trong xúc tác và điện hóa	B2021-DNA-08	PGS.TS Võ Thắng Nguyên	2021-2023	
4. Sinh học					
1	Đánh giá tác động của vi nhựa (microplastics) đến hệ sinh thái cửa sông ven biển tại vùng	Cấp Thành phố 3640/QĐ-UBND Số 43/HD-SKHCCN	PGS.TS. Võ Văn Minh	2022-2024	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
	kinh tế trọng điểm Trung bộ và đề xuất giải pháp kiểm soát thích hợp				
2	Thử nghiệm mô hình nuôi và chế biến sản phẩm vi tảo xoắn Spirulina trên địa bàn huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Mã số:15/HĐ-KHCN	Cấp Tỉnh	PGS.TS. Võ Văn Minh	2020-2021	
3	Nghiên cứu xây dựng hệ thống cảnh báo sớm sinh học (BEWS) dựa trên phân tích hành vi di chuyển của Sinh vật phù du sử dụng công nghệ thị giác máy tính.	B2023.DNA.20 Cấp Bộ	PGS.TS. Trịnh Đăng Mậu	2019-2021	
4	Xây dựng mô vi tảo Spirulina phù hợp với điều kiện khí hậu Đà Nẵng và tạo sản phẩm từ sinh khối	DN2019 Cấp TP Đà Nẵng	PGS.TS. Trịnh Đăng Mậu	2019-2021	
5	Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ nuôi trồng tảo <i>Haematococcus pluvialis</i> hiệu quả cao trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.	Số 272/QĐ-KHCN Cấp Thành phố Đà Nẵng	PGS.TS. Trịnh Đăng Mậu	2021-2023	
6	Áp dụng công nghệ lai bào tử đơn để chọn tạo chủng giống nấm Đông trùng hạ thảo (<i>Cordyceps militaris</i>) cho năng suất và chất lượng cao	MS: 10-2022. Cấp Thành phố Đà Nẵng	PGS.TS. Nguyễn Minh Lý	10/2022- 12/2024	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
7	Nghiên cứu nguồn gốc và giá trị dược liệu của cây Nghĩa Sâm trên địa bàn huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	T2024 - LK-20 Cấp cơ sở	PGS.TS. Nguyễn Minh Lý	1/2025- 12/2025	
8	Nghiên cứu, phát triển và chế biến sản phẩm cây chè dây (Ra zéh) trên địa bàn xã Tư, huyện Đông Giang	QĐ số 179/QĐ-UBND tỉnh Quảng Nam ngày 18/1/2021	PGS.TS. Nguyễn Hồ Lam	2017-2021	
9	Ứng dụng tiến bộ KHCN để xây dựng mô hình trồng, chăm sóc và thu hoạch cây măng tây tại xã Tam Thành, huyện Phú Ninh, Quảng Nam	HD 31 HĐKHCN ngày 7/6/2021	PGS.TS. Nguyễn Hồ Lam	2021-2024	
10	Nghiên cứu tổng hợp và đánh giá hoạt tính sinh học, khả năng ứng dụng của polysaccharide thu được từ quá trình lên men rắn sợi nấm Bào ngư trên các phụ phẩm của ngành nông nghiệp	B2024.DNA.11 Cấp Bộ	TS. Đoàn Chí Cường	2024-2026	
11	Nghiên cứu khả năng xử lý các hợp chất chứa nitơ, photpho trong nước thải bằng sự kết hợp giữa vi tảo <i>Chlorella vulgaris</i> và vi khuẩn <i>Azospirillum</i> sp. được phân lập từ rễ lúa	B2019-DN-36 Cấp Cơ sở	TS. Phạm Thị Mỹ	2020-2022	
12	Nghiên cứu bảo tồn	Cấp Thành phố Đà Nẵng	TS. Võ Châu	2022-2025	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
	và phát triển nguồn gen cây Khôi nhung (<i>Ardisia silvestris</i> Pit.) tại Khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng		Tuấn		
13	Nghiên cứu đặc tính chịu hạn và mặn của một số cây dược liệu chính phân bố tại các vùng đất cát ven biển Duyên hải miền Trung	B2021-DNA-10 Cấp Bộ	TS. Trần Quang Dàn	2021-2024	
14	Đánh giá tác động của vi nhựa (microplastics) đến hệ sinh thái cửa sông ven biển tại vùng kinh tế trọng điểm Trung bộ và đề xuất giải pháp kiểm soát thích hợp	Cấp Thành phố 3640/QĐ-UBND Số 43/HD-SKHCHN	PGS.TS. Võ Văn Minh	2022-2024	
15	Thử nghiệm mô hình nuôi và chế biến sản phẩm vi tảo xoắn Spirulina trên địa bàn huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Mã số:15/HĐ-KHCN	Cấp Tỉnh	PGS.TS. Võ Văn Minh	2020-2021	
5. Hệ thống thông tin					
1	AI-HOME Convergence Talent Project for Healthcare, Mobility, and Energy	IITP-2023-RS-2023-00256629	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (KP)	2023-2028	Chương trình phát triển nguồn nhân lực đổi mới hội tụ trí tuệ nhân tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ Thông tin và

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
					Truyền thông, Hàn Quốc
2	AI Convergence Platform for Early Detection and Precision Management of Alzheimer's Disease	2021R1I1A1A01048455	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (KP)	2021-2026	Quỹ Nghiên cứu Quốc gia Hàn Quốc
3	Khai thác lượng lớn dữ liệu tensor cho ứng dụng chăm sóc sức khỏe trong thần kinh học tính toán: Đại số Grassmann cho giao diện não – máy tính	102.01-2020.27	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (PI)	2021-2024	Đề tài cấp Nhà nước (Nafosted), Việt Nam
4	Nghiên cứu thiết kế chip tương tự đầu vào (Analog Front End – AFE) đa năng có khả năng tương thích với nhiều loại cảm biến công nghiệp, môi trường và y học	B2022-DNA-12	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (PI)	2022-2023	Đề tài cấp Bộ, Việt Nam
5	Mô hình học giám sát cấp cao Tensor: sự mở rộng tổng quan cho việc khai thác dữ liệu chuỗi thời gian	B2017-DNA-20	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (PI)	2017-2019	Đề tài cấp ĐHQĐN, Việt Nam
6	Nghiên cứu tối ưu hóa mạng cảm biến hỗ trợ ứng dụng cảnh báo thiên tai	B2020-DNA-14	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (KP)	2020-2022	Đề tài cấp Bộ, Việt Nam
7	Development of Rage State Cognitive Technology of Driver using Active·Passive Brain-signal Analysis	NRF-2018R1A2B6006064	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (KP)	2015-2018	Quỹ Nghiên cứu Quốc gia, Hàn Quốc

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
8	Development of Vehicle Driving and Dangerous Context Aware Technology using auto-analysis of brain signals	NRF-2015R1D1A1A01057440	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (KP)	2015-2017	Quỹ Nghiên cứu Quốc gia, Hàn Quốc
9	Incremental Analysis of Multi-Dimension and Multi-Modal Physiological signals	NIPA-2011-H0301-14-1014	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (KP)	2011-2014	Quỹ Nghiên cứu Quốc gia, Hàn Quốc
10	Develop the integrated safe driving support system that can control the rage of a driver to reduce a Road Rage	NIPA-2011-H0301-13-3005	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (KP)	2011-2014	Bộ Giáo dục, Khoa học và Công nghệ, Hàn Quốc
11	Label recognition of cell phone camera-based wine images	2010-C1090-1011-0008	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (KP)	2009-2011	SamSung, Hàn Quốc
12	Kết hợp các thuật toán trong tính toán mềm áp dụng cho dự đoán cấu trúc bậc hai rna.	T2020-TD-01-BS	TS. Đoàn Duy Bình	2022-2024	
13	CẢI TIẾN THUẬT TOÁN DI TRUYỀN (GA-GENETIC ALGORITHM) VÀ ÁP DỤNG VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT BÀI TOÁN SINH HỌC PHÂN TỬ	T2018-TN-03	TS. Đoàn Duy Bình	2018	
14	Tối ưu hóa thuật toán ACO (Ant Colony Optimization) áp dụng cho bài toán dự đoán cấu trúc bậc hai của chuỗi RNA	T2015-03-03	TS. Đoàn Duy Bình	2015	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
15	ỨNG DỤNG THUẬT TOÁN ĐÀN KIỂM - ACO ĐỂ GIẢI QUYẾT CÁC BÀI TOÁN TỐI ƯU TRONG LĨNH VỰC SINH HỌC	Đ2012-03-15	TS. Đoàn Duy Bình	2012	
16	Nghiên cứu ứng dụng học sâu để giải quyết một số bài toán trong kỹ thuật Y-Sinh	T2020-TD-03-BS	Nguyễn Trần Quốc Vinh (CN)	2023	
17	Nghiên cứu xây dựng hệ thống hỗ trợ khung nhìn thực cho các hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ nguồn mở	B2017.DNA.06	Nguyễn Trần Quốc Vinh (CN)	2020	
18	Nghiên cứu xây dựng chương trình sinh mã tự động các trigger phục vụ cập nhật gia tăng khung nhìn thực	Đ2012-04-19	Nguyễn Trần Quốc Vinh (CN)	2013	
19	Nguyên cứu ứng dụng mô hình Hadoop Mapreduce vào bài toán tìm đường đi ngắn nhất	T2023-TN-07	Nguyễn Đình Lâu (CN)	2023	Cấp trường
20	Sử dụng các thư viện đa xử lý và ứng dụng cho các bài toán tổ hợp	T2018-TN-09	Nguyễn Đình Lâu (CN)	2018	Cấp trường
21	Bài toán mạng giao thông và ứng dụng quản lý quy hoạch phân luồng giao thông ở thành phố Đà Nẵng	68 SKHCN ĐN	Nguyễn Đình Lâu (tham gia)	2014	Cấp thành phố
22	AI-HOME	IITP-2023-RS-2023-	TS. Nguyễn	2023-2028	Chương

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
	Convergence Talent Project for Healthcare, Mobility, and Energy	00256629	Thị Ngọc Anh (KP)		trình phát triển nguồn nhân lực đổi mới hội tụ trí tuệ nhân tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ Thông tin và Truyền thông, Hàn Quốc
23	AI Convergence Platform for Early Detection and Precision Management of Alzheimer's Disease	2021R1I1A1A01048455	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (KP)	2021-2026	Quỹ Nghiên cứu Quốc gia Hàn Quốc
24	Khai thác lượng lớn dữ liệu tensor cho ứng dụng chăm sóc sức khỏe trong thần kinh học tính toán: Đại số Grassmann cho giao diện não – máy tính	102.01-2020.27	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (PI)	2021-2024	Đề tài cấp Nhà nước (Nafosted), Việt Nam
25	Nghiên cứu thiết kế chip tương tự đầu vào (Analog Front End – AFE) đa năng có khả năng tương thích với nhiều loại cảm biến công nghiệp, môi trường và y học	B2022-DNA-12	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (PI)	2022-2023	Đề tài cấp Bộ, Việt Nam
26	Mô hình học giám sát cấp cao Tensor: sự mở rộng tổng quan cho việc khai thác dữ liệu chuỗi thời gian	B2017-DNA-20	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (PI)	2017-2019	Đề tài cấp ĐHQĐN, Việt Nam
27	Nghiên cứu tối ưu hóa mạng cảm biến hỗ trợ ứng dụng cảnh	B2020-DNA-14	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (KP)	2020-2022	Đề tài cấp Bộ, Việt Nam

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
	báo thiên tai				
28	Development of Rage State Cognitive Technology of Driver using Active·Passive Brain-signal Analysis	NRF-2018R1A2B6006064	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (KP)	2015-2018	Quỹ Nghiên cứu Quốc gia, Hàn Quốc
29	Development of Vehicle Driving and Dangerous Context Aware Technology using auto-analysis of brain signals	NRF-2015R1D1A1A01057440	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (KP)	2015-2017	Quỹ Nghiên cứu Quốc gia, Hàn Quốc
30	Incremental Analysis of Multi-Dimension and Multi-Modal Physiological signals	NIPA-2011-H0301-14-1014	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (KP)	2011-2014	Quỹ Nghiên cứu Quốc gia, Hàn Quốc
31	Develop the integrated safe driving support system that can control the rage of a driver to reduce a Road Rage	NIPA-2011-H0301-13-3005	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (KP)	2011-2014	Bộ Giáo dục, Khoa học và Công nghệ, Hàn Quốc
32	Label recognition of cell phone camera-based wine images	2010-C1090-1011-0008	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (KP)	2009-2011	SamSung, Hàn Quốc
33	Kết hợp các thuật toán trong tính toán mềm áp dụng cho dự đoán cấu trúc bậc hai rna.	T2020-TD-01-BS	TS. Đoàn Duy Bình	2022-2024	
34	CẢI TIẾN THUẬT TOÁN DI TRUYỀN (GA-GENETIC ALGORITHM) VÀ ÁP DỤNG VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT BÀI TOÁN SINH	T2018-TN-03	TS. Đoàn Duy Bình	2018	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
	HỌC PHẦN TƯ				
35	Tối ưu hóa thuật toán ACO (Ant Colony Optimization) áp dụng cho bài toán dự đoán cấu trúc bậc hai của chuỗi RNA	T2015-03-03	TS. Đoàn Duy Bình	2015	
36	ỨNG DỤNG THUẬT TOÁN ĐÀN KIẾM - ACO ĐỂ GIẢI QUYẾT CÁC BÀI TOÁN TỐI ƯU TRONG LĨNH VỰC SINH HỌC	Đ2012-03-15	TS. Đoàn Duy Bình	2012	
37	Nghiên cứu ứng dụng học sâu để giải quyết một số bài toán trong kỹ thuật Y-Sinh	T2020-TD-03-BS	Nguyễn Trần Quốc Vinh (CN)	2023	
38	Nghiên cứu xây dựng hệ thống hỗ trợ khung nhìn thực cho các hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ nguồn mở	B2017.DNA.06	Nguyễn Trần Quốc Vinh (CN)	2020	
39	Nghiên cứu xây dựng chương trình sinh mã tự động các trigger phục vụ cập nhật gia tăng khung nhìn thực	Đ2012-04-19	Nguyễn Trần Quốc Vinh (CN)	2013	
40	Nguyên cứu ứng dụng mô hình Hadoop Mapreduce vào bài toán tìm đường đi ngắn nhất	T2023-TN-07	Nguyễn Đình Lâu (CN)	2023	Cấp trường
41	Sử dụng các thư viện đa xử lý và ứng dụng cho các bài toán tổ hợp	T2018-TN-09	Nguyễn Đình Lâu (CN)	2018	Cấp trường

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
42	Bài toán mạng giao thông và ứng dụng quản lý quy hoạch phân luồng giao thông ở thành phố Đà Nẵng	68 SKHCN ĐN	Nguyễn Đình Lầu (tham gia)	2014	Cấp thành phố
43	AI-HOME Convergence Talent Project for Healthcare, Mobility, and Energy	IITP-2023-RS-2023-00256629	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (KP)	2023-2028	Chương trình phát triển nguồn nhân lực đổi mới hội tụ trí tuệ nhân tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ Thông tin và Truyền thông, Hàn Quốc
44	AI Convergence Platform for Early Detection and Precision Management of Alzheimer's Disease	2021R1I1A1A01048455	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (KP)	2021-2026	Quỹ Nghiên cứu Quốc gia Hàn Quốc
45	Khai thác lượng lớn dữ liệu tensor cho ứng dụng chăm sóc sức khỏe trong thần kinh học tính toán: Đại số Grassmann cho giao diện não – máy tính	102.01-2020.27	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (PI)	2021-2024	Đề tài cấp Nhà nước (Nafosted), Việt Nam
46	Nghiên cứu thiết kế chip tương tự đầu vào (Analog Front End – AFE) đa năng có khả năng tương thích với nhiều loại cảm biến công nghiệp, môi trường và y học	B2022-DNA-12	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (PI)	2022-2023	Đề tài cấp Bộ, Việt Nam

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
47	Mô hình học giám sát cấp cao Tensor: sự mở rộng tổng quan cho việc khai thác dữ liệu chuỗi thời gian	B2017-DNA-20	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (PI)	2017-2019	Đề tài cấp ĐHQĐN, Việt Nam
48	Nghiên cứu tối ưu hóa mạng cảm biến hỗ trợ ứng dụng cảnh báo thiên tai	B2020-DNA-14	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (KP)	2020-2022	Đề tài cấp Bộ, Việt Nam
49	Development of Rage State Cognitive Technology of Driver using Active·Passive Brain-signal Analysis	NRF-2018R1A2B6006064	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (KP)	2015-2018	Quỹ Nghiên cứu Quốc gia, Hàn Quốc
50	Development of Vehicle Driving and Dangerous Context Aware Technology using auto-analysis of brain signals	NRF-2015R1D1A1A01057440	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (KP)	2015-2017	Quỹ Nghiên cứu Quốc gia, Hàn Quốc
51	Incremental Analysis of Multi-Dimension and Multi-Modal Physiological signals	NIPA-2011-H0301-14-1014	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (KP)	2011-2014	Quỹ Nghiên cứu Quốc gia, Hàn Quốc
52	Develop the integrated safe driving support system that can control the rage of a driver to reduce a Road Rage	NIPA-2011-H0301-13-3005	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (KP)	2011-2014	Bộ Giáo dục, Khoa học và Công nghệ, Hàn Quốc
53	Label recognition of cell phone camera-based wine images	2010-C1090-1011-0008	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh (KP)	2009-2011	SamSung, Hàn Quốc
	VI. Toán học và Đại số và lí thuyết số				
1	Tính chất phủ, bao	B2020-DNA	PGS.TS.	2020-2022	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
	tổng quát và tính nội xạ của các môđun		Trương Công Quỳnh		
2	Một số kết quả trên các lớp con các hàm đa điều hòa dưới trong lý thuyết đa thể vị	T2020-TĐ-02-BS	PGS.TS. Hoàng Nhật Quy	2020-2022	
3	Các trường hợp tổng quát của vành nội xạ và vành quasi - Frobenius	B2010-ĐN03-50, cấp Bộ	PGS.TS. Trương Công Quỳnh	27/2/2010 đến 30/11/2011	
4	Các đặc trưng của vành chính qui Von Neumann và các trường hợp tổng quát của vành môđun nội xạ	B2013-03-11, cấp Bộ	PGS.TS. Trương Công Quỳnh	1/1/2013 đến 30/12/2014	
5	Cấu trúc của vành thông qua tính bất biến của các môđun	101.04-2017.22, cấp Bộ	PGS.TS. Trương Công Quỳnh	1/12/2017 đến 1/12/2019	
6	Tính chất phủ, bao tổng quát và tính nội xạ của các môđun	B2020-ĐNA-10, cấp Bộ	PGS.TS. Trương Công Quỳnh	1/1/2020 đến 15/12/2021	
7	Tính bất biến của các môđun và vành liên quan	B2023.DNA.14	PGS.TS. Trương Công Quỳnh	1/2023-12/2024	
8	Chính hóa bài toán ngược đối với phương trình elliptic, parabolic và bất đẳng thức biến phân	B2022-DNA	PGS.TS. Phạm Quý Mười	2022–2024	
9	Bài toán tối ưu không trơn: Lý thuyết, giải thuật và ứng dụng	B2019-DNA	PGS.TS. Phạm Quý Mười	2019–2021	
10	Chính hóa bài toán ngược đối với phương trình elliptic, parabolic và bất đẳng thức biến phân	B2022-DNA	PGS.TS. Phạm Quý Mười	2022–2024	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
11	Phương pháp chỉnh hóa cho bài toán ngược trong phương trình đạo hàm riêng	-	PGS.TS. Phạm Quý Mური và cộng sự	2021–2025	Công bố WoS/Scopus
12	Các thuật toán nhanh cho bài toán tối ưu lồi tron và ứng dụng trong bài toán ngược	-	PGS.TS. Phạm Quý Mური và cộng sự	2023–2025	Công bố IMA J. Numerical Analysis
13	Phương pháp phần tử hữu hạn cho bài toán đa tỉ lệ và bài toán trị riêng	-	PGS.TS. Phạm Quý Mური và cộng sự	2021–2024	Công bố quốc tế
14	Mô hình toán học và học máy cho bài toán chất lượng nước sông	-	PGS.TS. Phạm Quý Mური và cộng sự	2023–2025	Ứng dụng PDE
15	Điều kiện tối ưu cho bài toán quy hoạch toán học qua dưới vi phân yếu	T2023-KN-24	PGS.TS. Trần Văn Sự	2023-2024	Đã nghiệm thu
16	Điều kiện chuẩn hóa và đặc trưng cấp 2 và cấp cao về điều kiện tối ưu cho lớp các bài toán cân bằng véctơ với ràng buộc trộn	B2026-DNA-01	PGS.TS. Trần Văn Sự	2026-2027	Đang tiến hành
17	Tích chập của các toán tử tích phân Fourier	B2009-ĐN03-35	Phan Đức Tuấn	2009 - 2011	
18	Nghiệm hiển của phương trình tích phân kỳ dị với nhân suy biến và phép quay	Đ2015-03-80	Phan Đức Tuấn	2015-2016	
19	Định lí giới hạn trung tâm theo trung bình và ứng dụng	B2016.ĐNA.26	Lê Văn Dũng (chủ nhiệm)	2016-2018	Đề tài cấp Bộ
20	Một số định lí giới hạn trong lý thuyết	B2020-DNA-09	Lê Văn Dũng (chủ	2020-2022	Đề tài cấp Bộ

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
	xác suất và ứng dụng trong thống kê		nhiệm)		
6. Toán học; Đại số và lí thuyết số					
1	Tính chất phủ, bao tổng quát và tính nội xạ của các môđun	B2020-DNA	PGS.TS. Trương Công Quỳnh	2020-2022	
2	Một số kết quả trên các lớp con các hàm đa điều hòa dưới trong lý thuyết đa thể vị	T2020-TĐ-02-BS	PGS.TS. Hoàng Nhật Quy	2020-2022	
3	Các trường hợp tổng quát của vành nội xạ và vành quasi - Frobenius	B2010-ĐN03-50, cấp Bộ	PGS.TS. Trương Công Quỳnh	27/2/2010 đến 30/11/2011	
4	Các đặc trưng của vành chính qui Von Neumann và các trường hợp tổng quát của vành môđun nội xạ	B2013-03-11, cấp Bộ	PGS.TS. Trương Công Quỳnh	1/1/2013 đến 30/12/2014	
5	Cấu trúc của vành thông qua tính bất biến của các môđun	101.04-2017.22, cấp Bộ	PGS.TS. Trương Công Quỳnh	1/12/2017 đến 1/12/2019	
6	Tính chất phủ, bao tổng quát và tính nội xạ của các môđun	B2020-ĐNA-10, cấp Bộ	PGS.TS. Trương Công Quỳnh	1/1/2020 đến 15/12/2021	
7	Tính bất biến của các môđun và vành liên quan	B2023.DNA.14	PGS.TS. Trương Công Quỳnh	1/2023- 12/2024	
8	Chính hóa bài toán ngược đối với phương trình elliptic, parabolic và bất đẳng thức biến phân	B2022-DNA	PGS.TS. Phạm Quý Mươi	2022–2024	
9	Bài toán tối ưu không tron: Lý thuyết, giải thuật và ứng dụng	B2019-DNA	PGS.TS. Phạm Quý Mươi	2019–2021	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
10	Chính hóa bài toán ngược đối với phương trình elliptic, parabolic và bất đẳng thức biến phân	B2022-DNA	PGS.TS. Phạm Quý Mური	2022–2024	
11	Phương pháp chỉnh hóa cho bài toán ngược trong phương trình đạo hàm riêng	-	PGS.TS. Phạm Quý Mური và cộng sự	2021–2025	Công bố WoS/Scopus
12	Các thuật toán nhanh cho bài toán tối ưu lồi tron và ứng dụng trong bài toán ngược	-	PGS.TS. Phạm Quý Mური và cộng sự	2023–2025	Công bố IMA J. Numerical Analysis
13	Phương pháp phần tử hữu hạn cho bài toán đa tỉ lệ và bài toán trị riêng	-	PGS.TS. Phạm Quý Mური và cộng sự	2021–2024	Công bố quốc tế
14	Mô hình toán học và học máy cho bài toán chất lượng nước sông	-	PGS.TS. Phạm Quý Mური và cộng sự	2023–2025	Ứng dụng PDE
15	Điều kiện tối ưu cho bài toán quy hoạch toán học qua dưới vi phân yếu	T2023-KN-24	PGS.TS. Trần Văn Sự	2023-2024	Đã nghiệm thu
16	Điều kiện chuẩn hóa và đặc trưng cấp 2 và cấp cao về điều kiện tối ưu cho lớp các bài toán cân bằng vectơ với ràng buộc trộn	B2026-DNA-01	PGS.TS. Trần Văn Sự	2026-2027	Đang tiến hành
17	Tích chập của các toán tử tích phân Fourier	B2009-ĐN03-35	Phan Đức Tuấn	2009 - 2011	
18	Nghiệm hiển của phương trình tích phân kỳ dị với nhân suy biến và phép quay	Đ2015-03-80	Phan Đức Tuấn	2015-2016	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
19	Định lí giới hạn trung tâm theo trung bình và ứng dụng	B2016.DNA.26	Lê Văn Dũng (chủ nhiệm)	2016-2018	Đề tài cấp Bộ
20	Một số định lí giới hạn trong lý thuyết xác suất và ứng dụng trong thống kê	B2020-DNA-09	Lê Văn Dũng (chủ nhiệm)	2020-2022	Đề tài cấp Bộ
7. Ngôn ngữ học					
1	Đặc điểm ngôn ngữ-văn hóa của địa danh ở Thừa Thiên Huế.	Cấp Trường	PGS. TS. Trần Văn Sáng (Chủ nhiệm)	2010 - 2011	
2	Vấn đề chuẩn hóa địa danh dân tộc thiểu số trong văn bản tiếng Việt (Qua khảo sát địa danh ở Thừa Thiên Huế).	Cấp Trường	PGS. TS. Trần Văn Sáng (Chủ nhiệm)	2012-2013	
3	Vận dụng lý thuyết ba bình diện vào việc phân tích câu tiếng Việt (Ứng dụng vào việc giảng dạy học phần Ngữ pháp tiếng Việt cho sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn tại trường ĐHSPT - ĐH Đà Nẵng).	Cấp ĐH Đà Nẵng	PGS. TS. Trần Văn Sáng (Chủ nhiệm)	2016- 2018	
4	Bình diện kí hiệu học qua một số tác phẩm văn học trong nhà trường phổ thông từ cách tiếp cận liên ngành ngôn ngữ với văn chương	Cấp Bộ	PGS. TS. Trần Văn Sáng (Chủ nhiệm)	2020/2022	
5	Sự tái sinh của huyền thoại gốc trong tiểu thuyết hiện đại Âu-Mỹ	Cấp Bộ	PGS. TS. Trần Văn Sáng (thành viên chính)	2021-2022	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
6	Nghiên cứu sự biểu đạt thời gian trong tiếng Việt dưới góc nhìn của ngôn ngữ học tri nhận	Cấp Bộ	PGS. TS. Trần Văn Sáng (thành viên chính)	2024-2025	
7	Năng lực truyền thông khoa học công nghệ trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam	Cấp Bộ	PGS. TS. Trần Văn Sáng (thành viên)	2024-2025	
8	Giao lưu văn hóa Đông - Tây các thế kỉ XVII, XVIII: Nghiên cứu trường hợp Việt Nam và Trung Hoa	Cấp Bộ	PGS. TS. Trần Văn Sáng (Chủ nhiệm)	2026-2027	
9	Nghiên cứu cách chú thích trong sách giáo khoa Ngữ văn trung học.	Đ2015-03-72	PGS.TS Bùi Trọng Ngoãn	2018-2019	
10	Dấu hiệu ngôn hành của một số hành động cầu khiến tiếng Việt	B2008-TN08-06 Cấp Bộ	TS. Nguyễn Thị Thanh Ngân (Chủ nhiệm)	2010-2011	
11	Ứng dụng lý thuyết điển mẫu để giải mã các hành động ngôn từ trung gian của người Việt	ĐH2013-TN06-11 Cấp Đại học	TS. Nguyễn Thị Thanh Ngân (Chủ nhiệm)	2015-2016	
12	Những giải pháp cơ bản, cấp bách nhằm nâng cao hiệu quả của chính sách bảo tồn và phát triển các dân tộc thiểu số rất ít người ở nước ta hiện nay	CTDT.42.18/16 – 20 UB Dân tộc	TS. Nguyễn Thị Thanh Ngân (Thành viên)	2019-2020	
8. Lịch sử Việt Nam					
1	Xung đột chính trị, tranh chấp lãnh thổ	Nasfosted, 601.02-2020.303	PGS.TS. Nguyễn Văn	2020-2022	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
	và quyền hàng hải giữa Anh và Hoa Kỳ (1783-1861)		Sang		
2	Hoạt động của cướp biển ở biển đảo Trung bộ Việt Nam và biện pháp đối phó với triều Nguyễn (1802 – 1884)	B2016-ĐN03-02 Cấp Đại học Đà Nẵng	PGS.TS. Nguyễn Duy Phương	2016 - 2018	
3	Nghiên cứu giá trị đường đèo Hải Vân, di tích Hải Vân quan, đường sắt Hải Vân và làng Nam Ô phục vụ phát triển du lịch của thành phố Đà Nẵng	Quyết định số 3640/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng	PGS.TS. Nguyễn Duy Phương	2022 - 2024	
4	Tổ chức phòng thủ và thực thi chủ quyền biển đảo Đàng Trong dưới thời các chúa Nguyễn	B2017-DNA.19 (XHNV 09)	PGS.TS. Lưu Trang, PGS.TS. Nguyễn Duy Phương, PGS.TS. Trương Anh Thuận và cộng sự	2017 - 2019	
5	Nghiên cứu sự biến đổi của làng gốm Thanh Hà qua các thời kỳ phát triển	B2018-ĐN05-17, Đại học Đà Nẵng	PGS.TS. Nguyễn Minh Phương và cộng sự	8/2018 – 7/2020	
6	Quá trình du nhập và tiếp biến văn hóa phương Tây ở Việt Nam trong các thế kỷ XVI, XVII và XVIII	B2023.DNA.01 Bộ Giáo dục và Đào tạo	PGS.TS. Nguyễn Minh và cộng sự Phương	01/2023- 6/2025	
7	Kinh tế Đà Nẵng thời kì Pháp thuộc (1888-1945) qua những nguồn tư liệu mới	Thành phố Đà Nẵng	PGS.TS. Nguyễn Minh Phương	8/2019- 5/2022	
8	Hoạt động bảo vệ thương mại và tài nguyên biển dưới	601.01-2021.06 Quỹ KHCV Nafosted	PGS.TS. Lưu Trang, PGS.TS.	6/2023- 5/2026	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
	triều Nguyễn (1802-1884)		Nguyễn Minh Phương, PGS.TS. Nguyễn Văn Sang, PGS.TS. Lưu Trang, PGS.TS. Nguyễn Minh Phương, PGS.TS. Trương Anh Thuận và cộng sự		
9	Lịch sử Đà Nẵng từ khởi thủy đến năm 2020	Thành phố Đà Nẵng	PGS.TS. Lưu Trang, PGS.TS. Nguyễn Minh Phương, PGS.TS. Nguyễn Văn Sang, PGS.TS. Lưu Trang, PGS.TS. Nguyễn Minh Phương, PGS.TS. Nguyễn Duy Phương và cộng sự	5/2023-4/2026	
9. Tâm lý học					
1	Nghiên cứu đề xuất giải pháp bồi dưỡng kỹ năng tư vấn tâm lý cho GVCN tại các trường THCS trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.	35/HĐ-SKH-CN	GS Lê Quang Sơn	2018 – 2020	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
2	Xây dựng chương trình hiểu biết về SKTT cho học sinh THPT	B2019-DNA-09	PGS.TS Bùi Thị Thanh Diệu	2019 - 2021	
3	Xây dựng mô hình chăm sóc sức khỏe tâm thần tích hợp công nghệ số và trí tuệ nhân tạo cho công nhân Việt Nam	Nafosted NCUD.10-2-25.30	PGS.TS Bùi Thị Thanh Diệu	2026 - 2028	
4	Phát triển năng lực nhận diện các rối nhiễu tâm lý ở học sinh cho giáo viên THCS	B2022-DAN-03	PGS.TS Hoàng Thế Hải	2022 - 2024	
5	Xây dựng chương trình giáo dục phòng chống bắt nạt học đường cho học sinh thành phố Đà Nẵng	255/QĐ-SKHCM	PGS.TS Hoàng Thế Hải	2023 - 2024	
6	Hạnh phúc của người dân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	47/HĐ-SKHCM	PGS.TS Nguyễn Thị Hằng Phương	2022-2024	
7	Biện pháp phòng ngừa stress cho giảng viên thuộc Đại học Đà Nẵng	B2019-DN03-41	PGS.TS Nguyễn Thị Hằng Phương	2019 - 2021	
8	Xây dựng chương trình hỗ trợ cha mẹ kiến thức và kỹ năng chăm sóc, giáo dục trẻ dưới 36 tháng tuổi trong gia đình	B2019-DNA-10	TS. Hồ Thị Thuý Hằng	2019-2022	
9	Điều tra, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp can thiệp cộng đồng phòng chống trầm cảm ở người cao tuổi tại thành phố Quảng	01/2019/HĐ-ĐTKHCM	PGS.TS Nguyễn Thị Trâm Anh	2019-2021	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
	Ngãi.				
10. Quản lý Tài nguyên và Môi trường					
1	Xây dựng công cụ giám sát sức khỏe hệ sinh thái thủy vực đầm đô thị sinh thái.	2024	PGS.TS. Võ Văn Minh	2024	
2	Đánh giá tác động của vi nhựa (Microplastics) đến hệ sinh thái cửa sông ven biển tại vùng kinh tế trọng điểm Trung Bộ và đề xuất giải pháp kiểm soát thích hợp	B2021-DNA-11	PGS.TS. Võ Văn Minh	2021-2023	
3	Thử nghiệm mô hình nuôi và chế biến sản phẩm vi tảo xoắn Spirulina trên địa bàn huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi		PGS.TS. Võ Văn Minh	2020 - 2021	
4	Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí trường đại học bền vững (Sustainable Campus) cho Việt Nam,	B2019-DNA-02	TS. Kiều Thị Kính		
5	Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ nuôi trồng tảo <i>Haematococcus pluvialis</i> hiệu quả cao trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.	72/QĐ-SKHCN: 2023	PGS. TS. Trịnh Đăng Mậu	2023	
6	Xây dựng hệ thống phân loại tự động họ Lecanidae (Trùng bánh xe) bằng phương pháp phân tích hình dạng học	B2018-ĐN03-26	PGS. TS. Trịnh Đăng Mậu	2018-2020	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
	(ĐT).				
7	Xây dựng mô hình nuôi vi tảo <i>Spirulina</i> phù hợp với điều kiện khí hậu Đà Nẵng và tạo sản phẩm từ sinh khối (ĐT).	D2019-CS-03	PGS. TS. Trịnh Đăng Mậu	2019-2020	
8	Nghiên cứu đa dạng sinh học phân lớp giáp xác chân chèo (Copepoda) phục vụ cho đánh giá chất lượng nước ngầm tại một số khu vực tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng (ĐT).	B2019-DNA-05	ThS. Trần Ngọc Sơn (Chủ nhiệm), PGS.TS. Trịnh Đăng Mậu (Thành viên tham gia), Trần Nguyễn Quỳnh Anh, Võ Văn Minh, Nguyễn Thị Tường Vi	2019-2022	
9	Nghiên cứu ứng dụng luân trùng (Rotifera) làm sinh vật chỉ thị chất lượng môi trường nước tại các thủy vực nước ngọt thuộc các tỉnh miền trung Việt Nam (ĐT).	B2020-DNA-08	TS. Trần Nguyễn Quỳnh Anh	2022	
10	Nghiên cứu khả năng xử lý ô nhiễm dinh dưỡng và tích lũy lipid của vi tảo <i>Tetrademus</i> sp. được phân lập trên địa bàn TP Đà Nẵng	T2019-TN-01	TS. Trần Nguyễn Quỳnh Anh và cộng sự	2020	
11	Đánh giá điểm đến du lịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	T2023-TN-16	TS. Nguyễn Thanh Tường	2023-2024	
12	Giáo trình "Đánh giá	10/HĐGT-ĐHSP	TS. Nguyễn	2024-2025	

STT	Tên đề tài	Mã số	Người thực hiện	Năm thực hiện	Ghi chú
	tác động môi trường trong du lịch"		Thanh Tường (Chủ biên) và cộng sự		
13	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của điểm đến du lịch đô thị tại thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	T2024-TN-09	TS. Nguyễn Phú Thắng	2024-2025	
14	Nghiên cứu giá trị đường đèo Hải Vân, di tích Hải Vân quan và làng Nam Ô phục vụ phát triển du lịch của thành phố Đà Nẵng	Số đăng ký: 14	TS. Nguyễn Duy Phương (chủ nhiệm), TS. Nguyễn Phú Thắng (thành viên)	2023-2024	
15	Nghiên cứu chuyển đổi sinh kế hộ gia đình dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu ở một số xã miền núi Huyện Hòa Vang Thành Phố Đà Nẵng theo hướng đa dạng và thích ứng	18KK0344 Dự án Quốc tế (JSPS KAKENHI)	TS Nguyễn Phú Thắng	2023-2024	
16	Nghiên cứu nguồn giống cá cửa sông Thu Bồn và lân cận vùng biển ven bờ Quảng Nam	153-KQNC 2020	TS. Nguyễn Thị Tường Vi	2020	
17	Phân tích thực trạng hạn hán ở lưu vực sông Vu Gia- Thu Bồn bằng công nghệ viễn thám	T2022-KN-01	TS. Nguyễn Văn An	2024	

PHỤ LỤC VI
DANH MỤC HƯỚNG NGHIÊN CỨU, LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU,
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU CẦN NHẬN NCS

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận	Ghi chú
1. QUẢN LÝ GIÁO DỤC				
1	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị sự thay đổi và Chuyển đổi số; - Các mô hình đào tạo mới; - Quốc tế hoá giáo dục; - Công nghệ giáo dục; - Quản lý văn hoá trường học; - Đảm bảo chất lượng giáo dục trong trường học. 	TS Lê Thị Thanh Tịnh	1	Tài trợ một phần học phí
2	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý triển khai Chương trình giáo dục phổ thông; - Quản lý bồi dưỡng và phát triển năng lực giáo viên; - Quản lý chuyển đổi số và giáo dục công dân số; - Quản lý giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn; - Quản lý chất lượng giáo dục và đổi mới phương pháp dạy học. 	TS Hồ Trần Ngọc Oanh	1	
3	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý/ quản trị văn hoá trường học; - Lãnh đạo đa văn hóa và Quản trị sự đa dạng; - Văn hóa tổ chức; - Văn hóa đảm bảo chất lượng trong trường học. 	TS Nguyễn Thu Trang	1	
4	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển nguồn nhân lực, đánh giá nguồn nhân lực; - Quản lý sự thay đổi trong giáo dục; - Phát triển chương trình giáo dục; - Đảm bảo chất lượng giáo dục. 	PGS.TS. Trần Xuân Bách	3	
5	Nghiên cứu chiến lược, chính sách giáo dục.	GS.TS. Lê Quang Sơn	3	
6	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục; - Nghiên cứu mô hình tự chủ ở các cơ sở giáo dục; - Nghiên cứu hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục; - Nghiên cứu chiến lược, chính sách 	TS. Phạm Thế Kiên	5	

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận	Ghi chú
	giáo dục; - Nghiên cứu quản lý hoạt động dạy học, quản lý hoạt động giáo dục.			
7	- Chiến lược, chính sách giáo dục; - Quản lý hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục nhà trường; - Quản lý các hoạt động xây dựng môi trường giáo dục, văn hóa nhà trường.	TS. Lê Thị Duyên	3	
2. LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỒ MÔN				
<i>2.1. Định hướng Lý luận & PPDH bộ môn Vật lý</i>				
1	Dạy học phát triển năng lực người học - Năng lực hợp tác nhóm; - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; - Năng lực tự học; - Năng lực Vật lý; - Năng lực định hướng nghề nghiệp, năng lực số.	GS.TS. Đỗ Hương Trà PGS.TS. Lê Thanh Huy TS Phùng Việt Hải PGS.TS Nguyễn Văn Biên TS. Nguyễn Thanh Nga TS. Trần Quỳnh TS. Phan Thị Hà Linh	3	
2	Dạy học tích hợp, dạy học STEM, trải nghiệm: - Tích hợp trong các môn học trong CTGDPT; - Giáo dục STEM trong dạy học các môn học, cho các đối tượng học sinh đặc thù (dân tộc, vùng, miền); - Giáo dục STEM hướng phát triển các năng lực đặc thù như: năng lực tư duy thiết kế, năng lực số, năng lực sáng tạo khởi nghiệp; - Các hoạt động trải nghiệm với việc phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.	PGS.TS. Lê Thanh Huy TS Phùng Việt Hải TS. Nguyễn Thanh Nga PGS.TS. Nguyễn Văn Biên TS. Trương Duy Hải	2	
3	Dạy học số: - E-Learning trong dạy học vật lý ở phổ thông; - B-Learning trong dạy học vật lý ở phổ thông; - Thí nghiệm kết nối số; - Nghiên cứu xây dựng, phát triển các học liệu số phục vụ dạy học ở các bậc học.	PGS.TS. Lê Thanh Huy PGS.TS Ng Bảo Hoàng Thanh TS. Phùng Việt Hải PGS.TS. Trần Huy Hoàng PGS.TS. Trần Thị Ngọc Ánh TS. Nguyễn Anh Thuận TS. Trần Quỳnh	3	
4	Kiểm tra đánh giá: - Thiết kế chương trình, công cụ đánh giá năng lực học sinh; - Kiểm tra đánh giá theo năng lực	PGS.TS. Ng Bảo Hoàng Thanh PGS.TS Lê Văn Giáo PGS.TS Nguyễn Văn Biên	2	

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận	Ghi chú
	người học; - Bài tập vật lý phát triển năng lực học sinh.	TS. Trần Quỳnh TS. Lê Thị Minh Phương		
5	Giáo dục hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.	TS Phùng Việt Hải TS. Nguyễn Thanh Nga GS.TS. Đỗ Hương Trà PGS.TS. Tưởng Duy Hải TS. Lê Thị Minh Phương	2	
6	Bồi dưỡng học sinh giỏi vật lý phổ thông: - Phát triển năng khiếu cho học sinh chuyên; - chuyên đề, nội dung bồi dưỡng học sinh giỏi.	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiếu TS. Nguyễn Thanh Hải PGS.TS. Nguyễn Văn Biên	1	
<i>2.2. Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán</i>				
1	- Phát triển năng lực của học sinh trung học qua dạy học (Số học/Đại số/Giải tích/Hình học/Xác suất/Thống kê); - Vận dụng Kỹ thuật dạy học/Mô hình dạy học thông qua dạy học (Số học/Đại số/Giải tích/Hình học/Xác suất/Thống kê); - Ứng dụng phần mềm trong dạy học (Số học/Đại số/Giải tích/Hình học/Xác suất/Thống kê).	PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng	3	
<i>2.3. Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tin</i>				
1	- Phát triển năng lực của học sinh trung học qua dạy học số; - Ứng dụng AI trong giáo dục - Phát triển năng lực số, Giáo dục STEM số; - Ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo và bồi dưỡng giáo viên; - Phát triển năng lực công nghệ thông tin cho người học trong bối cảnh chuyển đổi số; - Ứng dụng học máy, phân tích dữ liệu trong giáo dục.	PGS.TS. Trần Văn Hưng TS. Đinh Thị Mỹ Hạnh TS. Phạm Dương Thu Hằng	6	
<i>2.4. Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học</i>				
1	Phương pháp dạy học Sinh học Giáo dục Stem.	TS. Trương Thị Thanh Mai	5	
2	Giáo dục môi trường và phát triển bền vững.	PGS.TS. Kiều Thị Kính	5	
<i>2.5. Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn</i>				
1	- Dạy học đọc – viết – nói – nghe	TS Hồ Trần Ngọc Oanh	03	

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận	Ghi chú
	<p>trong môn Ngữ văn;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số; - Dạy học Ngữ văn trong môi trường số và AI; - Phát triển chương trình và đánh giá giáo dục; - Giáo dục văn hóa và bản sắc trong môn Ngữ văn. 			
2	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học đọc – viết – nói – nghe trong môn Ngữ văn; - Kiểm tra- đánh giá trong môn Ngữ văn; - Đọc hiểu đa phương thức; - Trí tuệ nhân tạo và Viết sáng tạo <p>Dạy học số;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ giáo dục; - Giáo dục cảm xúc/ giá trị nhân văn/ năng lực thông tin truyền thông trong môn Ngữ văn. 	TS. Lê Thị Thanh Tịnh	03	Tài trợ một phần học phí
3	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học văn học nước ngoài; - Dạy học văn học từ góc nhìn so sánh. 	TS. Nguyễn Phương Khánh	03	
4	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy tiếng Việt trong nhà trường phổ thông; - Dạy đọc hiểu Ngữ văn từ quan điểm lý thuyết giao tiếp và lý thuyết diễn ngôn; - Phân tích ngôn ngữ văn chương từ lý thuyết kí hiệu học. 	PGS.TS. Trần Văn Sáng	01	Sau năm 2026
5	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy tiếng Việt trong nhà trường phổ thông; - Dạy đọc hiểu Ngữ văn từ quan điểm lý thuyết giao tiếp và lý thuyết diễn ngôn; - Phân tích ngôn ngữ văn chương từ lý thuyết kí hiệu học. 	TS. Nguyễn Thị Thanh Ngân	01	
6	Các nội dung dạy học Việt ngữ trong chương trình phổ thông, dạy học tiếng Việt cho người nước ngoài, nghiên cứu văn bản đa phương tiện, dạy học tác phẩm văn chương.	TS Trịnh Quỳnh Đông Nghi	01	
7	- Dạy học Ngữ văn từ góc nhìn đa văn hoá;	TS Nguyễn Thu Trang	03	

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận	Ghi chú
	- Dạy học văn học dân gian; - Dạy học cho học sinh dân tộc thiểu số.			
8	- Dạy học đọc hiểu văn học thiếu nhi; - Dạy học tiếng Việt ở tiểu học; - Kiểm tra-đánh giá môn tiếng Việt ở tiểu học.	TS Võ Thị Bảy	03	
9	- Dạy học tiếng Việt ở tiểu học; - Kiểm tra-đánh giá môn tiếng Việt ở tiểu học.	TS Nguyễn Thị Thuý Nga	03	
<i>2.6. Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lý</i>				
1	- Các chiến lược nâng cao hiệu quả dạy học địa lí ở trường phổ thông; - Dạy học Địa lí gắn với các vấn đề toàn cầu (biến đổi khí hậu, phát triển bền vững, công dân toàn cầu); - Nghiên cứu học tập Địa lí dựa trên trải nghiệm thực địa kết hợp công nghệ số; - Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong cá nhân hóa học tập và hỗ trợ dạy học Địa lí; - Đổi mới đánh giá năng lực trong dạy học Địa lí bằng học liệu số và đánh giá quá trình.	PGS.TS. Trương Văn Cảnh TS. Nguyễn Văn Thái TS. Nguyễn Thanh Tường TS. Nguyễn Phú Thắng TS. Đoàn Thị Thông	1-2	
<i>2.7. Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Âm nhạc</i>				
1	- Dạy học âm nhạc; Ứng dụng công nghệ số trong dạy học âm nhạc; Âm nhạc dân ca; Dạy học dân ca; Dạy học nhạc cụ.	TS. Trương Quang Minh Đức	02	
2	Phương pháp dạy học âm nhạc Dạy học thanh nhạc Dạy học dân ca Dạy học âm nhạc theo hướng tích hợp	TS. Nguyễn Hoàng Tịnh Uyên	02	
<i>2.8. Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục công dân</i>				
1	Phương pháp dạy học hiện đại - Các kỹ thuật dạy học vật lý - Phát triển tư duy sáng tạo cho người học trong dạy học vật lý - Phát triển phương pháp dạy học	TSKH. Hồ Thanh Hải	2	

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận	Ghi chú
	- Đổi mới phương pháp dạy học với sự hỗ trợ của phương tiện dạy học			
2	- Phát triển năng lực trong dạy học mạch kiến thức pháp luật - Kỹ năng tuyên truyền giáo dục pháp luật - Đổi mới dạy và học nội dung giáo dục pháp luật	TS. Phan Thị Nhật Tài	2	
3	Phát triển năng lực trong dạy học mạch kiến thức pháp luật - Kỹ năng tuyên truyền giáo dục pháp luật - Đổi mới dạy và học nội dung giáo dục pháp luật	TS. Nguyễn Thị Hoài Thương	2	
4	Phát triển năng lực trong dạy học mạch kiến thức kinh tế - Kỹ năng tuyên truyền giáo dục khởi nghiệp - Đổi mới dạy và học nội dung giáo dục kinh tế	TS. Nguyễn Thị Hương	2	
5	Phát triển năng lực trong dạy học mạch kiến thức kinh tế - Kỹ năng tuyên truyền giáo dục khởi nghiệp - Đổi mới dạy và học nội dung giáo dục kinh tế	TS. Nguyễn Thị Lộc	2	
6	Phát triển năng lực trong dạy học mạch kiến thức Kỹ năng sống - Kỹ năng tuyên truyền giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng số - Đổi mới dạy và học nội dung giáo dục công dân, ứng dụng công nghệ AI vào giảng dạy	TS. Lê Công Khôi	2	
7	Phát triển năng lực trong dạy học mạch kiến thức pháp luật - Kỹ năng tuyên truyền giáo dục pháp luật - Đổi mới dạy và học nội dung giáo dục pháp luật	TS. Nguyễn Văn Đông	2	
8	Phát triển năng lực trong dạy học mạch kiến thức đạo đức - Kỹ năng tuyên truyền giáo dục đạo đức - Đổi mới dạy và học nội dung giáo	TS. Nguyễn Văn Quế	2	

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận	Ghi chú
	dục đạo đức			
9	Phát triển năng lực trong dạy học mạch kiến thức đạo đức - Kỹ năng tuyên truyền giáo dục đạo đức - Đổi mới dạy và học nội dung giáo dục đạo đức	TS. Dương Đình Tùng	2	
<i>2.9. Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học</i>				
1	- Vận dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển năng lực cho HS trong dạy học Hóa học/ Khoa học tự nhiên - Ứng dụng công nghệ thông tin/AI trong dạy học Hóa học/ Khoa học tự nhiên - Thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Hóa học/ Khoa học tự nhiên	TS. Bùi Ngọc Phương Châu		
2	Các vấn đề Hóa học nâng cao ở trường Phổ thông	TS. Đỗ Thị Thúy Vân TS. Đinh Văn Tạc TS. Trần Đức Mạnh TS. Đặng Công Nghĩa PGS.TS. Lê Tự Hải PGS.TS. Võ Thắng Nguyên		
<i>2.10. Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Khoa học tự nhiên</i>				
1	Dạy học phát triển năng lực người học - Năng lực Khoa học tự nhiên - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực tự học - Năng lực hợp tác nhóm - Năng lực định hướng nghề nghiệp, năng lực số, ...	PGS.TS. Lê Thanh Huy PGS.TS Ng Bảo Hoàng Thanh TS Phùng Việt Hải TS. Phan Thị Hà Linh TS. Trương Thị Thanh Mai TS. Bùi Ngọc Phương Châu	5	
2	Dạy học tích hợp, dạy học STEM, trải nghiệm - Dạy học tích hợp trong môn KHTN - Giáo dục STEM hướng phát triển các năng lực đặc thù như: năng lực tư duy thiết kế, năng lực số, năng lực sáng tạo khởi nghiệp, ... - Các hoạt động trải nghiệm với việc phát triển phẩm chất và năng lực học sinh - Tích hợp trong các môn học trong CTGDPT - Giáo dục STEM trong dạy học các	PGS.TS. Lê Thanh Huy PGS.TS. Trần Văn Hưng TS. Phùng Việt Hải TS. Phan Thị Hà Linh TS. Trương Thị Thanh Mai TS. Bùi Ngọc Phương Châu TS. Ngô Thị Hoàng Vân	5	

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận	Ghi chú
	môn học, cho các đối tượng học sinh đặc thù (dân tộc, vùng, miền)			
3	<p>Dạy học số:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng AI trong dạy học phát triển năng lực học sinh - Phát triển năng lực số của giáo viên Khoa học tự nhiên - E-Learning, B-Learning, M-Learning trong dạy học Khoa học tự nhiên ở phổ thông - Thí nghiệm kết nối số - Nghiên cứu xây dựng, phát triển các học liệu số phục vụ dạy dạy học 	PGS.TS. Lê Thanh Huy PGS.TS. Trần Văn Hưng PGS.TS Ng Bảo Hoàng Thanh TS. Phùng Việt Hải TS. Trần Quỳnh TS. Lê Thị Minh Phương TS. Bùi Ngọc Phương Châu TS. Võ Thị Bích Thủy	5	
4	<p>Kiểm tra đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra đánh giá theo năng lực người học - Thiết kế chương trình, công cụ đánh giá năng lực học sinh. - Bài tập Khoa học tự nhiên phát triển năng lực học sinh 	PGS.TS Ng Bảo Hoàng Thanh TS. Phùng Việt Hải TS. Trần Quỳnh TS. Lê Thị Minh Phương TS. Trương Thị Thanh Mai TS. Nguyễn Thị Hải Yến TS. Võ Thị Bích Thủy	5	
5	Giáo dục hướng đến mục tiêu phát triển bền vững	PGS.TS. Lê Thanh Huy TS. Phùng Việt Hải TS. Lê Thị Minh Phương TS. Bùi Ngọc Phương Châu TS. Nguyễn Thị Hải Yến TS. Trần Thị Hương Xuân TS. Phan Thị Hà Linh	5	
6	<p>Bồi dưỡng học sinh giỏi Khoa học tự nhiên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển năng khiếu cho học sinh chuyên - Chuyên đề, nội dung bồi dưỡng học sinh giỏi 	TS. Phùng Việt Hải TS. Ngô Thị Hoàng Vân TS. Trương Thị Thanh Mai TS. Bùi Ngọc Phương Châu	3	
<i>2.11. Định hướng Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử</i>				
1	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp dạy học Lịch sử; - Phương pháp dạy học tích hợp và phân hoá; - Đánh giá trong dạy học lịch sử; - Ứng dụng công nghệ số trong dạy học lịch sử; - Phát triển năng lực tư duy lịch sử; - Phương pháp dạy học Lịch sử. 	TS. Trương Trung Phương	01-02	
3. HÓA HỮU CƠ				

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận	Ghi chú
1	Nghiên cứu chiết tách hợp chất có hoạt tính sinh học từ nguồn nguyên liệu thực vật.	TS. Trần Đức Mạnh	1	
2	-Tổng hợp vật liệu nano bằng phương pháp hóa học xanh và ứng dụng trong xử lý hợp chất hữu cơ; -Chế tạo vật liệu hấp phụ từ các phụ phẩm nông nghiệp.	TS. Vũ Thị Duyên	1	
3	-Tổng hợp vật liệu nano bằng tác nhân khử dịch chiết thực vật có hoạt tính sinh học và phương pháp điện hoá để ứng dụng trong lĩnh vực y sinh, xúc tác; - Nghiên cứu xử lý môi trường bằng phương pháp hấp phụ, điện hoá, xúc tác quang, xúc tác quang điện hoá.	PGS.TS Lê Tự Hải	1	
4	Ứng dụng hoá tính toán trong thiết kế phân tử.	TS. Mai Văn Bảy	1	
5	Tổng hợp vật liệu vô cơ, vật liệu nano và ứng dụng làm chất xúc tác quang phân hủy các hợp chất hữu cơ trong nước hoặc hấp phụ các chất hữu cơ.	TS. Đinh Văn Tạc	1	
6	- Nghiên cứu quy trình công nghệ chiết tách hợp chất thiên nhiên và thu nhận các sản phẩm từ nguồn nguyên liệu tự nhiên; - Phân lập hợp chất có hoạt tính sinh học từ nguồn nguyên liệu thiên nhiên; - Hoạt tính sinh học của dược liệu và hoạt chất phân lập từ dược liệu; - Bán tổng hợp; tổng hợp hữu cơ, hóa dược.	TS. Đỗ Thị Thuý Vân	1	
7	- Tổng hợp hữu cơ-hóa dược từ nguyên liệu là hóa chất cơ bản hoặc các hợp chất có nguồn gốc thiên nhiên; - Phân tích cấu trúc các hợp chất hữu cơ dựa vào các phương pháp phổ hiện đại (FTIR, ESI-HRMS, 1D NMR, 2D NMR); - Hợp chất thiên nhiên (tách chiết, phân tích cấu trúc).	PGS.TS Nguyễn Trần Nguyên	1	
8	- Tổng hợp vật liệu ứng dụng xử lý các chất ô nhiễm môi trường; - Tổng hợp vật liệu và ứng dụng biến tính biến tính điện cực để định lượng các hợp chất hữu cơ và vô cơ .	PGS.TS Võ Thắng Nguyên	1	

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận	Ghi chú
9	- Nghiên cứu hoạt tính sinh học (chống oxy hóa, kháng ung thư, kháng alzheimer, ...) của các hợp chất hữu cơ bằng phương pháp in silico; -Nghiên cứu cơ chế và động học khả năng bắt gốc tự do của các hợp chất hữu cơ; -Thiết kế thuốc, Docking phân tử; - Nghiên cứu khả năng hấp phụ các chất ô nhiễm hữu cơ trên nền các vật liệu bằng phương pháp ONIOM.	TS. Nguyễn Minh Thông	1	
4. SINH HỌC				
1	- Sinh học môi trường; - Đánh giá tác động môi trường; - Kiểm soát và xử lý ô nhiễm.	PGS.TS. Võ Văn Minh	3	
2	Sinh thái học thủy vực - Sản xuất thức ăn tự nhiên; - Đa dạng sinh vật phù du; - Công nghệ sinh học Tảo; - Công nghệ quan trắc môi trường bằng sinh vật phù du.	PGS.TS. Trịnh Đăng Mậu	1	
3	- Ứng dụng CNSH trong chọn tạo giống cây trồng, vi tảo, nấm, vi sinh vật; - Khoa học môi trường nông nghiệp.	PGS.TS. Nguyễn Minh Lý	4	
4	Khoa học cây trồng	PGS.TS. Nguyễn Hồ Lam		
5	Sinh thái học thủy vực - Sản xuất thức ăn tự nhiên; - Đa dạng sinh vật phù du; - Công nghệ sinh học Tảo; - Công nghệ quan trắc môi trường bằng sinh vật phù du.	TS. Trần Quang Dân	5	
6	- Bảo quản và chế biến sau thu hoạch - Công nghệ vi sinh vật và ứng dụng trong nông nghiệp, môi trường	TS. Phạm Thị Mỹ	5	
7	- Bảo tồn, nhân giống cây trồng và cây dược liệu; - Nghiên cứu hoạt tính sinh học các hợp chất từ thiên nhiên.	TS. Võ Châu Tuấn	5	
8	Tìm kiếm và đánh giá hoạt tính sinh học của hợp chất từ thiên nhiên. - Bảo tồn, nhân giống cây trồng và cây dược liệu.	TS. Bùi Thị Thơ	5	
9	Kỹ thuật vận hành nhà màng, sản xuất sạch hơn, phân tích, chế biến và	TS. Đoàn Chí Cường	5	

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận	Ghi chú
	bảo quản sau thu hoạch các sản phẩm nông nghiệp; - Quản lý tài nguyên và môi trường; - Đánh giá chất lượng môi trường.			
5. HỆ THỐNG THÔNG TIN				
1	Trí tuệ nhân tạo, học sâu đa phương thức, mô hình ngôn ngữ lớn, phân tích dữ liệu lớn, xử lý tín hiệu/ảnh thần kinh, ứng dụng trong hệ thống giao diện não – máy (BCI) và tương tác người – máy (HCI), y tế điện rộng.	TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh	1	
2	Tính toán mềm; dự đoán cấu trúc bậc hai RNA; Ứng dụng trí tuệ nhận tạo.	TS. Đoàn Duy Bình	1	
3	Khai phá dữ liệu & trí tuệ nhân tạo; mạng máy tính.	TS. Nguyễn Trần Quốc Vinh	1	
4	Thuật toán và xử lý song song.	TS. Nguyễn Đình Lâu	1	
6. TOÁN HỌC				
1	Phương pháp biến phân và ứng dụng cho bài toán biên elliptic.	PGS.TS. Nguyễn Thành Chung	1	
2	Lý thuyết đa thế vị.	PGS.TS. Hoàng Nhật Quy	2	
3	Tính ổn định và tập hút của các hệ động lực.	TS. Nguyễn Ngọc Thạch	1	
4	Bài toán ngược và phương pháp chỉnh hóa cho phương trình đạo hàm riêng (Inverse problems for PDEs).	PGS.TS. Phạm Quý Mười	1–2	
5	Giải thuật tối ưu và phương pháp số cho phương trình đạo hàm riêng và bài toán ngược.	PGS.TS. Phạm Quý Mười	1	
7	Học mô hình toán học bằng dữ liệu (data-driven PDE models).	PGS.TS. Phạm Quý Mười	1	
8	Bài toán tối ưu mạnh không trơn có thể điều chỉnh: điều kiện tối ưu, đối ngẫu và các phương pháp giải.	PGS.TS. Trần Văn Sự	01	Đề tài nghiên cứu mới
9	Các định lý giới hạn trong lý thuyết xác suất và ứng dụng.	PGS.TS. Lê Văn Dũng	1	
7. ĐẠI SỐ VÀ LÝ THUYẾT SỐ				
1	Lý thuyết vành và môđun; lý thuyết mã đại số và một số vấn đề liên quan đại số kết hợp không giao hoán.	PGS.TS. Trương Công Quỳnh	4	
2	Hình học đại số, Lý thuyết biểu diễn và phạm trù monoidal.	TS. Nguyễn Đại Dương	1	
3	Đại số giao hoán.	TS. Trần Nam Sinh	0	
8. NGÔN NGỮ HỌC				

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận	Ghi chú
1	Việt ngữ học: - Ngữ âm và Phương ngữ tiếng Việt; - Từ vựng - ngữ nghĩa - ngữ dụng ; - Loại hình ngôn ngữ đơn lập và tiếng Việt; - Ngôn ngữ văn chương; - Lịch sử phát triển tiếng Việt từ việc khảo cứu văn bản.	PGS.TS. Trần Văn Sáng	2	Mẫu
2	Việt ngữ học: - Từ vựng - ngữ nghĩa học tiếng Việt; - Ngữ dụng học tiếng Việt; - Phong cách học tiếng Việt; - Ngữ pháp, ngữ pháp chức năng; - Ngôn ngữ văn chương; - Ngôn ngữ và văn hoá; - Diễn ngôn và các vấn đề về diễn ngôn.	PGS. TS. Bùi Trọng Ngoãn	2	
3	Việt ngữ học: - Ngữ âm học tiếng Việt; - Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt; - Ngữ dụng học tiếng Việt; - Ngôn ngữ văn chương; - Ngôn ngữ và văn hoá.	TS. Nguyễn Thị Thanh Ngân	2	
4	Việt ngữ học: - Ngữ pháp và ngữ pháp chức năng ; - Ngữ nghĩa học; - Dạy học tiếng Việt.	TS. Trịnh Quỳnh Đông Nghi	2	
5	- Từ Hán Việt - ngôn ngữ học văn hoá (tiếng Việt; tiếng Hán) - đối chiếu ngôn ngữ (Việt - Hán) - bút đàm chữ Hán - địa danh.	TS. Nguyễn Hoàng Thân	3	
9. LỊCH SỬ VIỆT NAM				
1	Công cuộc chống ngoại xâm bảo vệ đất nước	PGS.TS. Lưu Trang PGS.TS. Trương Công Huỳnh Kỳ PGS.TS. Nguyễn Văn Đăng	5	
2	Lãnh thổ và chủ quyền lãnh thổ Việt Nam trong lịch sử	PGS.TS. Lưu Trang PGS.TS. Nguyễn Văn Đăng TS. Nguyễn Duy Phương	5	
3	Nghiên cứu về đô thị và đô thị hóa ở Việt Nam	PGS.TS. Lưu Trang PGS.TS. Trương Công Huỳnh Kỳ TS. Nguyễn Duy Phương	3	

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận	Ghi chú
		TS. Trương Anh Thuận		
4	Các triều đại quân chủ Việt Nam	PGS.TS. Nguyễn Văn Đăng TS. Trương Anh Thuận	3	
5	Nhân vật lịch sử	PGS.TS. Ngô Văn Minh TS. Trương Anh Thuận TS. Nguyễn Minh Phương	3	
6	Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam	PGS.TS. Ngô Văn Hà TS. Nguyễn Duy Phương TS. Nguyễn Minh Phương	3	
7	Lịch sử văn hóa Việt Nam	TS. Trần Thị Mai An TS. Nguyễn Hoàng Thân PGS.TS. Ngô Minh Oanh PGS.TS. Bùi Trọng Ngoãn	2	
8	Quan hệ Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới	PGS.TS. Lưu Trang TS. Lê Thị Mai TS. Nguyễn Văn Sang	3	
9	Lịch sử địa phương và lịch sử môi trường	PGS.TS. Lưu Trang TS. Trương Anh Thuận TS. Lê Thị Mai	2	
10	Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam	PGS.TS. Ngô Văn Hà TS. Nguyễn Duy Phương TS. Nguyễn Minh Phương	3	
11	Tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam	TS. Nguyễn Duy Phương PGS.TS. Ngô Văn Hà TS. Lê Thị Thu Hiền	3	
12	Các nền văn minh thời cổ đại trên đất nước Việt Nam	TS. Nguyễn Duy Phương TS. Trương Anh Thuận TS. Lê Thị Mai	2	
10. TÂM LÝ HỌC				
1	Tâm lý học giáo dục, Tâm lý học quản lý và Sức khỏe tâm thần	GS.TS Lê Quang Sơn	3 ĐL/5 đồng HD	
2	Tâm lý học lâm sàng, Sức khỏe tâm thần học đường	PGS.TS Bùi Thị Thanh Diệu	5 ĐL /9 đồng HD	
3	Tâm lý học giáo dục, Sức khỏe tâm thần học đường	PGS.TS Hoàng Thế Hải	5 ĐL /10 đồng HD	
4	Tâm lý học giáo dục	PGS.TS Lê Mỹ Dung	4 ĐL /8 đồng HD	
5	Tham vấn, Tâm lý học giáo dục, gia đình và tổ chức	PGS.TS Nguyễn Thị Trâm Anh	3 ĐL /7 đồng HD	
6	Tham vấn, Tâm lý học lâm sàng, Sức khỏe tâm thần	PGS.TS Nguyễn Thị Hằng Phương	3 ĐL /9 đồng HD	
7	Tâm lý học giáo dục, tâm lý học gia đình, sự hài lòng, hạnh phúc, sự gắn kết	TS Lê Thị Ngọc Lan	2 ĐL /4 đồng HD	

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận	Ghi chú
11. QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG				
1	- Sinh học môi trường - Đánh giá tác động môi trường - Quy hoạch và sử dụng hợp lý tài nguyên	PGS.TS. Võ Văn Minh	3	
2	- Giáo dục phát triển bền vững	PGS.TS. Kiều Thị Kính	5	
3	- Sinh thái học thủy vực - Sản xuất thức ăn tự nhiên - Đa dạng sinh vật phù du - Công nghệ sinh học Tảo - Công nghệ quan trắc môi trường bằng sinh vật phù du	PGS.TS. Trịnh Đăng Mậu	1	
4	- Cảnh quan ứng dụng - Quản lý tài nguyên thiên nhiên, - Ứng dụng GIS trong QLTN & MT	TS. Nguyễn Thị Diệu	5	
5	- Sinh thái thủy vực, - Ô nhiễm môi trường nước và rủi ro sinh thái - Ứng dụng vi tảo và sinh vật phù du trong quan trắc, xử lý môi trường và hệ thống cảnh báo sinh học.	TS. Trần Nguyễn Quỳnh Anh	5	
6	- Sinh kế bền vững - Phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo tồn và phát triển bền vững.	TS. Chu Mạnh Trinh	5	
7	- Kỹ thuật vận hành nhà màng, sản xuất sạch hơn, phân tích, chế biến và bảo quản sau thu hoạch các sản phẩm nông nghiệp - Quản lý tài nguyên và môi trường. - Đánh giá chất lượng môi trường	TS. Đoàn Chí Cường	5	
8	- Khoa học môi trường, - Độc học sinh thái, - Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại, - Giáo dục và truyền thông môi trường	TS. Phùng Khánh Chuyên	5	
9	- Kỹ thuật trắc địa và GPS - Viễn thám và GIS trong nghiên cứu tài nguyên – môi trường. - Mô hình hóa và dự báo thiên tai - Dữ liệu vệ tinh và học máy trong nghiên cứu môi trường biển, ven biển và thủy văn.	TS. Nguyễn Văn An	5	
10	- Quản lý tài nguyên thiên nhiên,	TS. Tống Thị Hải Hạnh	5	

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận	Ghi chú
	- Sinh kế bền vững, - Du lịch cộng đồng, - Thích ứng với biến đổi khí hậu.			
11	- Du lịch bền vững - Sinh kế trong biến đổi khí hậu	TS. Nguyễn Phú Thắng	5	
12	- Phát triển bền vững - Quy hoạch và phát triển du lịch bền vững gắn với bảo vệ môi trường.	TS. Nguyễn Thanh Tường	5	

PHỤ LỤC VII

DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP VỚI NGÀNH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN, CÁC MÔN HỌC BỔ SUNG

(Cập nhật ngày 27.3.2026)

TT	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH TIỀN SĨ DỰ TUYỂN	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 1 (NGÀNH ĐÚNG)	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 2 (NGÀNH GẦN)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH GẦN)		NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 3 (NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	
					Tên học phần	Số tín chỉ		Tên học phần	Số tín chỉ
1	Ngôn ngữ học (9229020)	Thạc sĩ	- Ngôn ngữ học (8229020) - Ngôn ngữ Việt Nam (8220102) - Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam (8220109) - Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu (8220241) - Ngôn ngữ Anh (8220201) - Ngôn ngữ Nga (8220202) - Ngôn ngữ Nga (8220202) - Ngôn ngữ Pháp (8220203) - Ngôn ngữ Trung Quốc (8220204) - Ngôn ngữ Đức (8220205) - Ngôn ngữ Nhật (8220209) - Ngôn ngữ Hàn Quốc (8220210) - Việt Nam học (Có luận văn về tiếng Việt) (8310630)	- Văn học (8229030) - Văn học Việt Nam (8220121) - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ngữ văn) (8140111) - Báo chí học (8320101) - Truyền thông đại chúng (8320105) - Quan hệ công chúng (8320108) - Văn hóa học (8229040) - Lý luận và phương pháp dạy học (tiếng nước ngoài: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung...) (8140110)	1. Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học (Ngữ văn - TT) 2. Những vấn đề ngôn ngữ và văn hóa (Ngữ văn - TT) 3. Ngữ dụng học và một số vấn đề trong tiếng Việt (Ngữ văn - TT)	3 3 3	- Nhân học (có luận văn về ngôn ngữ) (8310302) - Đông Phương học (có luận văn về ngôn ngữ) (8310608) - Đông Nam Á học (có luận văn về ngôn ngữ) (8310620)	1. Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học (Ngữ văn - TT) 2. Những vấn đề ngôn ngữ và văn hoá (Ngữ văn - TT) 3. Ngữ dụng học và một số vấn đề trong tiếng Việt (Ngữ văn - TT) 4. Những vấn đề ngữ pháp chức năng và ngữ pháp chức năng tiếng Việt (Ngữ văn - TT)	3 3 3 3
			Ngôn ngữ học (9229020)	Đại học	- Ngôn ngữ học (7229020)	- Hán Nôm (7220104)	1. Dẫn luận ngôn ngữ (Ngữ Văn - TT)	2 4	- Quản lý văn hóa (7229042)

TT	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH TIỀN SĨ DỰ TUYỂN	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 1 (NGÀNH ĐÚNG)	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 2 (NGÀNH GẦN)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH GẦN)		NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 3 (NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	
					Tên học phần	Số tín chỉ		Tên học phần	Số tín chỉ
			- Sư phạm Ngữ văn (7140217) - Văn học (7229030) - Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam (7220101) - Các ngành thuộc nhóm Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài (Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung, Pháp, Nhật...) (72202)	- Ngôn ngữ J'rai (7220105) - Ngôn ngữ Khme (7220106) - Ngôn ngữ H'mông (7220107) - Ngôn ngữ Chăm (7220108) - Báo chí (7320101) - Việt Nam học (7310630) - Văn hóa học (7229045)	2. Ngữ âm và từ vựng tiếng Việt (Ngữ Văn - TT) 3. Ngữ pháp tiếng Việt (Ngữ Văn - TT)	3	- Quan hệ công chúng (7320108) - Truyền thông đại chúng (7320105) - Xã hội học (7310301) - Nhân học (7310302)	2. Ngữ âm và từ vựng tiếng Việt (Ngữ Văn - TT) 3. Ngữ pháp tiếng Việt (Ngữ Văn - TT) 4. Ngữ dụng và phong cách học tiếng Việt (Ngữ Văn - TT)	3 3
2	Hóa hữu cơ (9440114)	Thạc sĩ	- Hoá học (8440112) - Hoá hữu cơ (8440114) - Hoá lý thuyết và hoá lý (8440119) - Hoá phân tích (8440118) - Hoá vô cơ (8440113) - Hoá môi trường (8440120) - Khoa học vật liệu (8440122) - Hoá dược (8720203) - Kỹ thuật hoá học (8520301) - Kỹ thuật hoá dầu và lọc dầu (8520305) - Hóa sinh học (8420116) - Kỹ thuật vật liệu (8520309)	- Khoa học y sinh (8720101) - Hóa sinh dược (8720208) - Dược liệu - Dược học cổ truyền (8720206) - Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc (8720202) - Khoa học môi trường (8440301) - Khoa học vật liệu (8440122)	1. Hóa hữu cơ nâng cao (Lý - Hóa) 2. Hóa vô cơ nâng cao (Lý - Hóa) 3. Hóa lý nâng cao (Lý - Hóa) 4. Hóa phân tích nâng cao (Lý - Hóa)	2 2 2 2			
	Hóa hữu cơ (9440114)	Đại học	- Hóa học (7440112)	- Khoa học môi trường (có tổng số tín chỉ Hóa	1. Hóa hữu cơ (Lý - Hóa) 2. Hóa vô cơ (Lý - Hóa)	2 2			

TT	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH TIỀN SĨ DỰ TUYỂN	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 1 (NGÀNH ĐÚNG)	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 2 (NGÀNH GẦN)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH GẦN)		NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 3 (NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	
					Tên học phần	Số tín chỉ		Tên học phần	Số tín chỉ
			<ul style="list-style-type: none"> - Sư phạm Khoa học tự nhiên (7140247) - Sư phạm hóa học (7140212) - Hóa dược (7720203) - Khoa học môi trường (có tổng số tín chỉ Hóa học là 45 – 50 TC) (7440301) - Công nghệ kỹ thuật hóa học (7510401) - Khoa học vật liệu (có tổng số tín chỉ Hóa học là 45 – 50 TC) (7440122) - Công nghệ dầu khí và khai thác dầu (7510701) 	<ul style="list-style-type: none"> học < 45 TC) (7440301) - Khoa học vật liệu (có tổng số tín chỉ Hóa học <45TC) (7440122) - Khoa học y sinh (9720101) 	<ul style="list-style-type: none"> 3. Hóa lý (Lý - Hóa) 2 4. Hóa phân tích (Lý - Hóa) 2 				
3	Hệ thống thông tin (9480104)	Thạc sĩ	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa học máy tính (8480101); - Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (8480102); - Kỹ thuật phần mềm (8480103); - Hệ thống thông tin (8480104); - Kỹ thuật máy tính (8480106); - Trí tuệ nhân tạo (8480107); - Công nghệ thông tin (8480201); - An toàn thông tin (8480202); 	<ul style="list-style-type: none"> - Toán học (8460101); - Toán tin (8460117); - Khoa học dữ liệu (8460108); - Khoa học tính toán (8460107); - Cơ sở toán học cho tin học (8460110); - Toán ứng dụng (8460112); - Kỹ thuật điện tử (8520203); - Kỹ thuật viễn thông (8520208); - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (8520216); - Kỹ thuật mật mã 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Học máy và khai phá dữ liệu (Toán - Tin); 3 2. Các chủ đề hiện đại của cơ sở dữ liệu (Toán - Tin); 3 3. An toàn và bảo mật hệ thống thông tin (Toán - Tin). 3 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tin học (8320202); - Kinh doanh thương mại (8340121); - Hệ thống thông tin quản lý (8340405); - Khoa học quản lý (8340401). 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Các chủ đề hiện đại của cơ sở dữ liệu (Toán - Tin); 3 2. An toàn và bảo mật hệ thống thông tin (Toán - Tin); 3 3. Học máy và khai phá dữ liệu (Toán - Tin); 3 4. Quản trị dự án hệ thống thông tin (Toán - Tin); 3 5. Phân tích và thiết kế hệ thống mạng máy tính (Toán - Tin). 		

TT	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH TIỀN SĨ DỰ TUYỂN	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 1 (NGÀNH ĐÚNG)	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 2 (NGÀNH GẦN)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH GẦN)		NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 3 (NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	
					Tên học phần	Số tín chỉ		Tên học phần	Số tín chỉ
			- Quản lý công nghệ thông tin (8480204); - Quản lý hệ thống thông tin (8480205).	(8520209); - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Toán, Tin) (8140111)					
	Hệ thống thông tin (9480104)	Đại học	- Khoa học máy tính (7480101); - Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (7480102); - Kỹ thuật phần mềm (7480103); - Hệ thống thông tin (7480104); - Kỹ thuật máy tính (7480106); - Trí tuệ nhân tạo (7480107); - Công nghệ kỹ thuật máy tính (7480108). - Công nghệ thông tin (7480201); - An toàn thông tin (7480202). - Sư phạm Tin học (7140210)	- Toán ứng dụng (7460112); - Toán Tin (7460117); - Toán học (7460101); - Toán cơ (7460115); - Khoa học tinh toán (7460107); - Khoa học dữ liệu (7460108). - Sư phạm Toán học (7140209)	1. Phân tích và thiết kế hệ thống (Toán - Tin) 2. Phân tích và thiết kế giải thuật (Toán - Tin) 3. An toàn và an ninh mạng (Toán - Tin)	3 3 3	- Hệ thống thông tin quản lý (7340405); - Quản lý dự án (7340409); - Khoa học quản lý (7340401). Thương mại điện tử (7340122) Quản lý thông tin (7320205) - Thống kê kinh tế (7310107); - Toán kinh tế (7310108); - Kinh tế số (7310109).	1. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (Toán - Tin) 2. Hệ phân toán (Toán - Tin) 3. Quy hoạch tuyến tính (Toán - Tin) 4. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (Toán - Tin) 5. Phân tích và thiết kế hệ thống (Toán - Tin) 6. An toàn và An ninh mạng (Toán - Tin) 7. Trí tuệ nhân tạo (Toán - Tin)	2 2 2 2 2 2 3
				- Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (7510301); - Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông (7510302); - Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (7510303).	1. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (Toán - Tin) 2. Phân tích và thiết kế hệ thống (Toán - Tin) 3. Quy hoạch tuyến tính (Toán - Tin) 4. Cấu trúc dữ liệu và giải	2 2 2 2			

TT	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH TIẾN SĨ DỰ TUYỂN	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 1 (NGÀNH ĐÚNG)	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 2 (NGÀNH GẦN)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH GẦN)		NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 3 (NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	
					Tên học phần	Số tín chỉ		Tên học phần	Số tín chỉ
				- Kỹ thuật điện tử - viễn thông (7520207); - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (7520216).	thuật (Toán - Tin)				
4	Quản lý giáo dục (9140114)	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục (8140114)	- Các ngành thuộc nhóm ngành Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên (814) - Quản lý văn hóa (8229042) - Tâm lý học (83104010) - Công tác xã hội (8760101) - Xã hội học (8310301) - Quản lý hành chính công - Các ngành quản trị, quản lý	***Chọn 9TC/18TC 1. Lý luận quản lý và quản lý giáo dục; 2. Quản trị nguồn nhân lực trong giáo dục; 3. Chiến lược và chính sách phát triển giáo dục; 4. Xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường; 5. Quản lý sự thay đổi trong giáo dục; 6. Quản lý chất lượng trong giáo dục; 7. Xã hội học giáo dục;	4 3 3 2 2 2 2	Tất cả các ngành khác đối với ứng viên đang công tác trong ngành Giáo dục và ngành Văn hóa.	***Chọn 20 TC/trong 24TC 1. Lý luận quản lý và quản lý giáo dục; 2. Phương pháp luận NCKH và phương pháp nghiên cứu khoa học QLGD; 3. Quản trị nguồn nhân lực trong giáo dục; 4. Chiến lược và chính sách phát triển giáo dục; 5. Xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường; 6. Quản lý sự thay đổi trong giáo dục; 7. Quản lý chất lượng trong giáo dục; 8. Phát triển nhân cách nhà QLGD; 9. Xã hội học giáo dục; 10. Đánh giá và quản lý các hoạt động đánh giá trong giáo dục;	4 4 3 3 2 2 2 2 2
	Quản lý giáo dục (9140114)	Đại học	Quản lý giáo dục (7140114)	Các ngành thuộc nhóm ngành Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên (714) - Quản lý văn hóa (7229042)	Học bổ sung các học phần (bắt buộc) trong CTĐT đại học (8TC) 1. Đại cương quản lý giáo dục; 2. Phát triển chương trình	3 3 2	Tất cả các ngành và có thâm niên tối thiểu 2 năm trong lĩnh vực giáo dục, văn hóa	1. Đại cương quản lý giáo dục; 2. Phát triển chương trình giáo dục; 3. Quản lý nhà nước về giáo dục;	3 3 2 3 3

TT	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH TIỀN SĨ DỰ TUYỂN	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 1 (NGÀNH ĐÚNG)	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 2 (NGÀNH GẦN)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH GẦN)		NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 3 (NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	
					Tên học phần	Số tín chỉ		Tên học phần	Số tín chỉ
				- Tâm lý học (73104010) - Công tác xã hội (7760101) - Xã hội học (7310301) - Quản lý hành chính công	giáo dục; 3. Quản lý nhà nước về giáo dục;			4. Tâm lý học đại cương; 5. Giáo dục học đại cương;	
5	Đại số và lý thuyết số (9460104)	Thạc sĩ	- Đại số và lý thuyết số (8460104) - Toán học (8460101)	- Toán giải tích (8460102) - Phương pháp Toán sơ cấp (8460113)	1. Lý thuyết vành và mô đun 2. Đại số giao hoán 3. Đại số đồng điều (Toán - Tin)	3 3 3	- Lý thuyết xác suất và thống kê toán học (8460106) - Cơ sở toán học cho tin học (8460110) - Toán ứng dụng (8460112)	1. Lý thuyết vành và mô đun 2. Lý thuyết nhóm 3. Đại số giao hoán 4. Hình học đại số 5. Đại số đồng điều (Toán - Tin)	3 3 3 3 3
	Đại số và lý thuyết số (9460104)	Đại học	- Sư phạm Toán học (7140209) - Toán học (7460101)	- Toán ứng dụng (7460112) - Toán cơ (7460115) - Toán - Tin (7460117) - Thống kê (7460201) - Khoa học tinh toán (7460107) - Khoa học dữ liệu (7460108)	1. Đại số tuyến tính 2. Đại số đại cương (Toán - Tin)	4 4	Công nghệ thông tin (7480201)	1. Tô pô đại cương 2. Giải tích hàm 3. Đại số tuyến tính 4. Đại số đại cương (Toán - Tin)	3 4 4 4
6	Lịch sử Việt Nam (9229013)	Thạc sĩ	Lịch sử Việt Nam (8229013)	- Giáo dục chính trị (ngành đại học: 7140205) - Triết học (8229001) - Nhân học (8310302) - Dân tộc học (8310310) - Việt Nam học (8310630) - Châu Á học (8310602) - Quốc tế học	1. Những vấn đề mới về lịch sử Việt Nam (Sử - Địa - Chính trị) 2. Chuyên đề Lãnh thổ và chủ quyền lãnh thổ Việt Nam trong lịch sử (Sử - Địa - Chính trị) 3. Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử (Sử - Địa - Chính trị)	3 3 3	Các ngành khác không có trong danh mục phù hợp mức 2 thuộc lĩnh vực: - Nhân văn (822), - Khoa học chính trị (83102), - Xã hội học và Nhân học (83103), - Khu vực học (83106)	- Những vấn đề mới về lịch sử Việt Nam; - Chuyên đề Lãnh thổ và chủ quyền lãnh thổ Việt Nam trong lịch sử; - Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử; - Những vấn đề mới về Lịch sử Thế giới;	3 3 3 3

TT	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH TIẾN SĨ DỰ TUYỂN	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH PHỤ HỢP MỨC 1 (NGÀNH ĐÚNG)	NGÀNH PHỤ HỢP MỨC 2 (NGÀNH GẦN)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH GẦN)		NGÀNH PHỤ HỢP MỨC 3 (NGÀNH PHỤ HỢP KHÁC)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH PHỤ HỢP KHÁC)	
					Tên học phần	Số tín chỉ		Tên học phần	Số tín chỉ
				(8310601) - Đông Phương học (8310608) - Đông Nam Á học (8310620) - Bảo tàng học (8320305) - Lịch sử thế giới (8229011) - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (8229015) - Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc (8229012) - Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước (8310202) - Khảo cổ học (8229017) - Chính trị học (8310201) - Quan hệ quốc tế (8310206) - Quản lý văn hoá (8229042)				- Chuyên đề tổ chức và đánh giá nghiên cứu khoa học chuyên ngành Lịch sử Việt Nam; - Hợp tác và hội nhập quốc tế của Việt Nam từ 1975 đến nay.	3 3

	Lịch sử Việt Nam (9229013)	Đại học	<ul style="list-style-type: none"> - Sư phạm Lịch sử (7140218) - Sư phạm song ngành có môn lịch sử Lịch sử (7229010) 	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục chính trị (7140205) - Chính trị học (7310201) - Quan hệ quốc tế (7310206) - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. - Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước (7310202) - Quốc tế học (7310601) - Việt Nam học (7310630) - Đông Phương học (7310608) - Châu Á học (7310602) - Thái Bình Dương học (7310607) - Văn hóa học (7229040) - Quản lý văn hóa (7229042) - Văn học (7229030) - Tôn giáo học (7229009) - Nhân học (7310302) - Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam (7220101) - Bảo tàng học (7320305) - Báo chí (7320101) - Biên phòng (7860214) 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Phương pháp luận sử học (Sử-Địa-Chính trị) 2. Lịch sử Việt Nam đại cương (Sử-Địa-Chính trị) 	3 3			
7	Sinh học (9420101)	Thạc sĩ	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh học (8420101) - Nhân chủng học (8420102) 	<ul style="list-style-type: none"> - Chăn nuôi (8620105) - Khoa học cây trồng (8620110) 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Sinh học phân tử tế bào (Sinh-NN-MT) 2. Tổ chức và quản lý hoạt 	3 4	Lý luận và PPDH Bộ môn Sinh học (8140111)	<ul style="list-style-type: none"> 1. Sinh học phân tử tế bào (Sinh-NN-MT) 2. Tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu 	3 4 3

TT	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH TIỀN SĨ DỰ TUYỂN	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 1 (NGÀNH ĐÚNG)	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 2 (NGÀNH GẦN)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH GẦN)		NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 3 (NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	
					Tên học phần	Số tín chỉ		Tên học phần	Số tín chỉ
			<ul style="list-style-type: none"> - Động vật học (8420103) - Vi sinh vật học (8420107) - Thủy sinh vật học (8420108) - Thực vật học (8420111) - Sinh học thực nghiệm (8420114) - Hóa sinh học (8420116) - Sinh thái học (8420120) - Di truyền học (8420121) - Công nghệ sinh học (8420201) 	<ul style="list-style-type: none"> - Di truyền và chọn giống cây trồng (8620111) - Bảo vệ thực vật (8620112) - Lâm học (8620201) - Lâm sinh (8620205) - Quản lý tài nguyên rừng (8620211) - Nuôi trồng thủy sản (8620301) - Bệnh học thủy sản (8620302) - Thú y (8640101) - Khoa học Y sinh (8720101) - Khoa học môi trường (8440301) - Quản lý tài nguyên và môi trường (8850101) - Công nghệ thực phẩm (8540101) 	động nghiên cứu khoa học (Sinh-NN-MT)			<ul style="list-style-type: none"> khoa học (Sinh-NN-MT) 3. Sinh thái học và phát triển bền vững (Sinh-NN-MT) 	
	Sinh học (9420101)	Đại học	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh học (7420101) - Kỹ thuật sinh học (7420202) - Công nghệ sinh học (7420201) - Sinh học ứng dụng (7420203) - Khoa học y sinh (7420204 - Trường ĐHQG TP.HCM) - Sư phạm sinh học (7140213) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nông nghiệp (7620101) - Khuyến nông (7620102) - Chăn nuôi (7620105) - Nông học (7620109) - Khoa học cây trồng (7620110) - Bảo vệ thực vật (7620112) - Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan (7620113) 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Sinh học đại cương A1 (Sinh-NN-MT) 2. Sinh học đại cương A2 (Sinh-NN-MT) 3. Vi sinh vật học (Sinh-NN-MT) 	<ul style="list-style-type: none"> 3 3 3 			

TT	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH TIẾN SĨ DỰ TUYỂN	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 1 (NGÀNH ĐÚNG)	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 2 (NGÀNH GẦN)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH GẦN)		NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 3 (NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	
					Tên học phần	Số tín chỉ		Tên học phần	Số tín chỉ
				<ul style="list-style-type: none"> - Lâm học (7620201) - Lâm sinh (7620205) - Quản lý tài nguyên rừng (7620211) - Nuôi trồng thủy sản (7620301) - Bệnh học thủy sản (7620302) - Khoa học thủy sản (7620303) - Thú y (7640101) - Công nghệ thực phẩm (7540101) - Quản lý tài nguyên và môi trường (7850101) - Sư phạm Khoa học tự nhiên (7140247) - Sư phạm công nghệ (7140246) - Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp (7140215) 					
8	Toán học (9460101)	Thạc sĩ	<ul style="list-style-type: none"> - Giải tích (8460102) - Đại số và lý thuyết số (8460104) - Phương pháp Toán sơ cấp (8460113) - Toán ứng dụng (8460112) - Lý thuyết xác suất và thống kê toán học (8460106) - Cơ sở toán học cho tin học (8460110) - Hình học và Tô pô (8460105) 						

TT	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH TIẾN SĨ DỰ TUYỂN	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 1 (NGÀNH ĐÚNG)	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 2 (NGÀNH GẦN)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH GẦN)		NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 3 (NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	
					Tên học phần	Số tín chỉ		Tên học phần	Số tín chỉ
	Toán học (9460101)	Đại học	- Sư phạm Toán học (7140209) - Toán ứng dụng (7460112) - Toán học (7460101) - Toán - Tin (7460117) - Khoa học tính toán (7460107) - Toán cơ (7460115) - Khoa học dữ liệu (7460108)	- Sư phạm Toán - Lý (ngành cũ) - Sư phạm Toán - Tin (7460117)	1. Tô pô đại cương (Toán - Tin) 2. Giải tích hàm (Toán - Tin)	3 4	Công nghệ thông tin (7480201)	1. Tô pô đại cương (Toán - Tin) 2. Giải tích hàm (Toán - Tin) 3. Đại số tuyến tính (Toán - Tin) 4. Đại số đại cương (Toán - Tin)	3 4 4 4
9	Quản lý tài nguyên và môi trường (9850101)	Thạc sĩ	- Quản lý tài nguyên và môi trường (8850101) - Quản lý đất đai (8850103) - Quản lý biển đảo và đới bờ (8850104)	- Kỹ thuật tài nguyên nước (8580212) - Khoa học môi trường (8440301) - Kỹ thuật môi trường (8520320) - Kỹ thuật tài nguyên nước (8580212) - Kỹ thuật cấp thoát nước (8580213) - Địa lý tài nguyên và môi trường (8440220) - Phát triển bền vững (8310313) - Địa lý học (8310501) - Sinh học (8420101) - Sinh thái học (8420120) - Công nghệ sinh học (8420201) - Địa chất học (8440201) - Khoáng vật học và địa hóa học (8440205)	1. Thiết kế nghiên cứu trong Quản lý Tài nguyên và Môi trường (Sinh-NN- MT) 2. Quản lý tổng hợp về tài nguyên thiên nhiên (Sinh- NN-MT) 3. Giám sát và đánh giá chất lượng môi trường (Sinh-NN-MT)	3 3 3	Đối tượng ngành khác: thí sinh có bằng Thạc sĩ ngành khác không thuộc các khối ngành trên phải có thâm niên làm việc trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường ít nhất 3 năm, và phải được xét duyệt bởi Hội đồng chuyên môn của đơn vị đào tạo.	Một số học phần khác do Khoa chuyên môn xác định dựa vào bảng điểm Đại học, Thạc sĩ	

TT	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH TIẾN SĨ DỰ TUYỂN	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 1 (NGÀNH ĐÚNG)	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 2 (NGÀNH GẦN)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH GẦN)		NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 3 (NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	
					Tên học phần	Số tín chỉ		Tên học phần	Số tín chỉ
				<ul style="list-style-type: none"> - Địa vật lý (8440210) - Bản đồ học (8440212) - Bản đồ, viễn thám và hệ thống thông tin địa lý (8440214) - Địa lý tự nhiên (8440217) - Khí tượng và khí hậu học (8440222) - Thủy văn học (8440224) - Hải dương học (8440228) - Kỹ thuật địa chất (8520501) - Kỹ thuật địa vật lý (8520502) - Kỹ thuật trắc địa - bản đồ (8520503) - Khoa học đất (8620103) - Phát triển nông thôn (8620116) - Lâm học (8620201) - Lâm sinh (8620205) - Quản lý tài nguyên rừng (8620211) - Quản lý thủy sản (8620305) 					
	Quản lý tài nguyên và môi trường (9850101)	Đại học	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý tài nguyên và môi trường (7850101) - Kinh tế tài nguyên thiên nhiên (7850102) - Quản lý đất đai (7850103) 	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp (78502) - Bảo hộ lao động (7850201) 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường (Sinh - NN- MT) 3 2. Công nghệ môi trường đại cương (Sinh - NN- MT) 3 	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế nông nghiệp (7620115) - Phát triển nông thôn (7620116) - Quy hoạch vùng và đô thị (7580105) 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Cơ sở khoa học môi trường (Sinh - NN- MT) 2. Công nghệ môi trường đại cương (Sinh - NN- MT) 3. Quản lý nhà nước về 	4 3 3	

TT	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH TIẾN SĨ DỰ TUYỂN	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 1 (NGÀNH ĐÚNG)	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 2 (NGÀNH GẦN)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH GẦN)		NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 3 (NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	
					Tên học phần	Số tín chỉ		Tên học phần	Số tín chỉ
			- Khoa học môi trường (7440301)	- Kỹ thuật tài nguyên nước (7580212) - Kỹ thuật cấp thoát nước (7580213) - Địa lý học (7310501) Sinh học (7420101) - Công nghệ sinh học (7420201) - Kỹ thuật sinh học (7420202) - Sinh học ứng dụng (7420203) - Địa chất học (7440201) - Bản đồ học (7440212) - Địa lý tự nhiên (7440217) - Khí tượng và khí hậu học (7440222) - Thủy văn học (7440224) - Hải dương học (7440228) - Kỹ thuật địa chất (7520501) - Kỹ thuật địa vật lý (7520502) - Kỹ thuật trắc địa - bản đồ (7520503) - Kỹ thuật môi trường (7520320) - Công nghệ kỹ thuật môi trường (7510406) - Nông nghiệp (7620101)			- Các ngành thuộc nhóm ngành khác (phải có thâm niên trong lĩnh vực Quản lý tài nguyên và môi trường tối thiểu 2 năm)	tài nguyên và môi trường (Sinh - NN- MT) ***Giảng viên giảng dạy phải có thâm niên trên 2 năm	

TT	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH TIẾN SĨ DỰ TUYỂN	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 1 (NGÀNH ĐÚNG)	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 2 (NGÀNH GẦN)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH GẦN)		NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 3 (NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	
					Tên học phần	Số tín chỉ		Tên học phần	Số tín chỉ
				<ul style="list-style-type: none"> - Khoa học đất (7620103) - Nông học (7620109) - Khuyến nông (7620102) - Lâm học (7620201) - Lâm sinh (7620205) - Lâm nghiệp đô thị (7620202) - Quản lý tài nguyên rừng (7620211) - Quản lý thủy sản (7620305) - Nuôi trồng thủy sản (7620301) - Khoa học thủy sản (7620303) - Khai thác thủy sản (7620304) - Kỹ thuật cấp thoát nước (7580213) 					
10	Tâm lý học (9310401)	Thạc sĩ	<ul style="list-style-type: none"> - Tâm lý học (8310401) - Tâm lý học lâm sàng (8310402) 	<ul style="list-style-type: none"> - Các ngành thuộc lĩnh vực: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên (814) - Các ngành thuộc lĩnh vực: Nhân văn (822) - Các ngành thuộc lĩnh vực: Khoa học xã hội và hành vi (831) - Các ngành thuộc nhóm ngành: Quản trị - Quản lý (83404) 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý; 2. Các lý thuyết học tập và phát triển tâm lý; 3. Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học; 	3 3 3	Các ngành thuộc lĩnh vực: Sức khỏe (872)	<ul style="list-style-type: none"> 1. Đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý; 2. Các lý thuyết học tập và phát triển tâm lý; 3. Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học; 4. Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên; 5. Tâm lý học trị liệu ứng dụng; 6. Các phương pháp đánh giá sự phát triển tâm lý trẻ em và thanh thiếu niên; 	3 3 3 3 3

TT	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH TIỀN SĨ DỰ TUYỂN	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 1 (NGÀNH ĐÚNG)	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 2 (NGÀNH GẦN)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH GẦN)		NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 3 (NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	
					Tên học phần	Số tín chỉ		Tên học phần	Số tín chỉ
				- Các ngành thuộc lĩnh vực: Dịch vụ xã hội (876)					
	Tâm lý học (9310401)	Đại học	- Tâm lý học (7310401) - Tâm lý học giáo dục (7310403)	Các ngành thuộc nhóm ngành: - Kinh tế học (73101) - Khoa học chính trị (73102) - Xã hội học và Nhân học (73103) - Khu vực học (73106) - Công tác xã hội (77601) - Khoa học giáo dục (71401) - Đào tạo giáo viên (71402) - Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam (72201) - Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài (72202) - Khác (72290)	1. TLH đại cương; 2. TLH phát triển; 3. TLH nhân cách; 4. Thiết kế nghiên cứu trong tâm lý học;	2 3 2 2	- Khoa học quản lý (7340401) - Quản trị nhân lực (7340404) - Quản trị văn phòng (7340406) - Quản trị kinh doanh (7340101) - Marketing (7340115) - Kinh doanh quốc tế (7340120) - Kinh doanh thương mại (7340121) - Thương mại điện tử (7340122) - Các ngành thuộc nhóm ngành: + Y học (77201) + Dược học (77202) + Điều dưỡng - hộ sinh (77203) + Dinh dưỡng (77204) + Y tế công cộng (77207) + Quản lý Y tế (77208)	1. Tâm lý học đại cương (TLGD-CTXH) 2. Tâm lý học phát triển (TLGD-CTXH) 3. Tâm lý học nhân cách (TLGD-CTXH) 4. Thiết kế nghiên cứu trong tâm lý học (TLGD-CTXH) 5. Tâm lý học xã hội (TLGD-CTXH) 6. Tâm lý học giáo dục (TLGD-CTXH) 7. Tâm lý học chẩn đoán (TLGD-CTXH) 8. Lịch sử tâm lý học (TLGD-CTXH)	2 3 2 2 2 3 3 3
11	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn (9140111) với các định hướng								
11.1	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn (Vật lý)	Thạc sĩ	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn (8140111)	- Lý luận và phương pháp dạy học (8140110) - Quản lý giáo dục (8140114)	1. Chuyên đề dạy học Vật lý phát triển năng lực học sinh (Lý - Hóa) 2. Phát triển chương trình giáo dục (Lý - Hóa)	3 3	- Vật lý lý thuyết và vật lý toán (8440103) - Vật lý chất rắn (8440104) - Vật lý nguyên tử và hạt nhân (8440106)	1. Thiết kế nghiên cứu trong KHGD 2. Ứng dụng công nghệ trong giáo dục 3. Chuyên đề dạy học Vật lý phát triển năng	3 3 3 3 3

TT	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH TIỀN SĨ DỰ TUYỂN	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 1 (NGÀNH ĐÚNG)	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 2 (NGÀNH GẦN)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH GẦN)		NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 3 (NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	
					Tên học phần	Số tín chỉ		Tên học phần	Số tín chỉ
				- Đo lường và đánh giá trong giáo dục (8140115)			- Cơ học (8440109) - Quang học (8440110) - Vật lý địa cầu (8440111) - Vật lý kỹ thuật (8520401) - Kỹ thuật hạt nhân (8520402) - Khoa học Vật liệu (8440122)	lực học sinh (Lý - Hóa) 4. Phát triển chương trình giáo dục (Lý - Hóa) 5. Các xu hướng dạy học hiện đại	
	<i>Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn (Vật lý)</i>	Đại học	Sư phạm Vật lý (7140211)	- Sư phạm Khoa học tự nhiên (7140247) - Sư phạm công nghệ (7140246) - Sư phạm kỹ thuật công nghiệp (7140214)	1. Lý luận dạy học Vật lý (Lý - Hóa) 2. Phân tích và phát triển chương trình Vật lý phổ thông (Lý - Hóa)	3 3	- Vật lý học (7440102) - Vật lý nguyên tử hạt nhân (7440106) - Thiên văn học (7440101) - Khoa học Vật liệu (7440122) - Vật lý kỹ thuật (7520401)	1. Lý luận dạy học Vật lý (Lý - Hóa) 2. Phân tích và phát triển chương trình Vật lý phổ thông (Lý - Hóa) 3. Kiểm tra đánh giá trong dạy học Vật lý (Lý - Hóa) 4. Thí nghiệm Vật lý phổ thông 1 (Lý - Hóa)	3 3 3 2
11.2	<i>Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn (Toán)</i>	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Toán) (8140111)	- Toán học (8460101) - Toán giải tích (8460102) - Lý thuyết xác suất và thống kê toán học (8460106) - Cơ sở toán học cho tin học (8460110) - Toán ứng dụng (8460112) - Phương pháp Toán sơ cấp (8460113)	1. Chuyên đề 1: Lý luận dạy học môn Toán nâng cao (Toán - Tin) 2. Chuyên đề 2: Phương pháp giải toán Đại số và Giải tích nâng cao (Toán - Tin) 3. Chuyên đề 3: Phát triển năng lực tư duy thông qua dạy học môn toán (Toán - Tin)	3 3 3			
	<i>Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn (Toán)</i>	Đại học	- Sư phạm Toán học (7140209) - Toán học (7460101)	- Toán ứng dụng (7460112) - Toán cơ (7460115)	1. Tâm lý giáo dục học; 2. Lý luận dạy học toán (Toán - Tin)	4 3			

TT	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH TIỀN SĨ DỰ TUYỂN	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 1 (NGÀNH ĐÚNG)	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 2 (NGÀNH GẦN)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH GẦN)		NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 3 (NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	
					Tên học phần	Số tín chỉ		Tên học phần	Số tín chỉ
	<i>môn (Toán)</i>			- Toán - Tin (7460117) - Thống kê (7460201) - Khoa học tinh toán (7460107) - Khoa học dữ liệu (7460108)					
11.3	<i>Lý luận và Phương pháp dạy học (Tin học)</i>	Thạc sĩ	- Lý luận và phương pháp dạy học (Tin học) (814011) - Giáo dục học (Tin học) (8140101) - Công nghệ giáo dục (ngành đại học: 7140103)	- Khoa học máy tính (8480101) - Công nghệ thông tin (8480201) - Hệ thống thông tin (8480104) - Kỹ thuật phần mềm (8480103) - Khoa học dữ liệu (8460108) - Trí tuệ nhân tạo (8480107)	1. Lý luận dạy học Tin học (Toán - Tin) 2 2. Phân tích dữ liệu trong nghiên cứu giáo dục (Toán - Tin) 2		- Toán học (8460101) - Sư phạm Toán học (ngành đại học: 7140209) - Sư phạm Vật lý (ngành đại học: 7140211) - Kỹ thuật điện tử (8520203) - Quản lý giáo dục (8140114) - Tâm lý học giáo dục (ngành đại học: 7310403)	1. Nhập môn Khoa học máy tính (Toán - Tin) 2. Cơ sở lập trình (Toán - Tin) 3. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục (Toán - Tin) 4. Đánh giá trong dạy học Tin học (Toán - Tin) 5. Cơ sở dữ liệu (Toán - Tin) 6. Phân tích dữ liệu học tập (Toán - Tin)	2 2 2 2 2
	<i>Lý luận và Phương pháp dạy học (Tin học)</i>	Đại học	- Sư phạm Tin học (7140210); - Sư phạm Toán - Tin (7460117).	- Công nghệ thông tin (7480201) - Sư phạm Toán học (7140209) - Toán - Tin (7460117) - Khoa học dữ liệu (7460108) - SP Tin học và Công nghệ Tiểu học (7140250)	1. Lý luận và phương pháp dạy học Tin học (Toán - Tin) 3 2. Kiểm tra đánh giá môn Tin học (Toán - Tin) 3 3. Lập trình Python (Toán - Tin) 3		Sư phạm Khoa học tự nhiên (7140247)	1. Lập trình Python (Toán - Tin) 2. Giáo dục học; 3. Giao tiếp sư phạm; 4. Lý luận và phương pháp dạy học Tin học (Toán - Tin) 5. Kiểm tra đánh giá môn Tin học (Toán - Tin)	3 3 2 4 3
11.4	<i>Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn (Sinh học)</i>	Thạc sĩ	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn (814011)	- Lý luận và phương pháp dạy học (8140110) - Quản lý giáo dục (8140114)	1. Phát triển chương trình giáo dục (Sinh-NN-MT) 3 2. Dạy học sinh học phát triển năng lực (Sinh-NN-MT) 3		- Sinh học (8420101) - Động vật học (8420103) - Nhân chủng học (8420102)	1. Thiết kế nghiên cứu trong khoa học giáo dục 2. Ứng dụng công nghệ trong giáo dục 3. Chiến lược dạy học	3 3 3 3

TT	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH TIỀN SĨ DỰ TUYỂN	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 1 (NGÀNH ĐÚNG)	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 2 (NGÀNH GẦN)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH GẦN)		NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 3 (NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	
					Tên học phần	Số tín chỉ		Tên học phần	Số tín chỉ
				- Đo lường và đánh giá trong giáo dục (8140115) - Thiết kế phương tiện giáo dục, giảng dạy (8140116) - Giáo dục quốc tế và so sánh (8140117)			- Vi sinh vật học (8420107) - Thủy sinh vật học (8420108) - Thực vật học (8420111) - Sinh học thực nghiệm (8420114) - Hóa sinh học (8420116) - Sinh thái học (8420120) - Di truyền học (8420121) - Công nghệ sinh học (8420201)	phát triển phẩm chất, năng lực người học 4. Dạy học Sinh học phát triển năng lực học sinh (Sinh-NN-MT) 5. Phát triển chương trình giáo dục (Sinh-NN-MT)	
	<i>Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn (Sinh học)</i>	Đại học	- Sư phạm Sinh học (7140213) - Sư phạm Khoa học tự nhiên (7140247) - Sư phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp (ngành cũ)	- Sư phạm công nghệ (7140246) - Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp (7140215)	1. Lý luận dạy học Sinh học (Sinh - NN- MT) 2. Phát triển chương trình môn Sinh học (Sinh - NN- MT)	3 3	- Sinh học (7420101) - Công nghệ sinh học (7420201) - Sinh học ứng dụng (7420203) - Kỹ thuật sinh học (7420202)	1. Phát triển chương trình môn Sinh học (Sinh - NN- MT) 2. Lý luận dạy học Sinh học (Sinh - NN- MT) 3. Phương pháp dạy học Sinh học (Sinh - NN- MT)	3 3 3
11.5	<i>Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ngữ văn)</i>	Thạc sĩ	- Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ngữ văn) (8140111) - Lý luận và phương pháp dạy học (8140110) - Thiết kế phương tiện giáo dục, giảng dạy (8140116)	- Các ngành thuộc nhóm ngành: Khoa học giáo dục (81401) - Các ngành thuộc lĩnh vực: Nhân văn (822)	1. Lý luận và phương pháp dạy học đọc hiểu văn bản (Ngữ văn - TT) 2. Lý luận và phương pháp dạy học tạo lập văn bản (Ngữ văn - TT) 3. Kiểm tra & Đánh giá năng lực môn Ngữ văn ở trường phổ thông (Ngữ văn - TT)	3 3 3	Các ngành thuộc nhóm ngành: - Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam (82201) - Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam (82202) - Khác (82290) - Báo chí và truyền thông (83201)	1. Lý luận và phương pháp dạy học đọc hiểu văn bản (Ngữ văn - TT) 2. Lý luận và phương pháp dạy học tạo lập văn bản (Ngữ văn - TT) 3. Kiểm tra & Đánh giá năng lực môn Ngữ văn ở trường phổ thông (Ngữ văn - TT) 4. Tiếp nhận và dạy học	3 3 3 3

TT	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH TIỀN SĨ DỰ TUYỂN	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 1 (NGÀNH ĐÚNG)	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 2 (NGÀNH GẦN)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH GẦN)		NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 3 (NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	
					Tên học phần	Số tín chỉ		Tên học phần	Số tín chỉ
								văn bản văn học theo đặc trưng thể loại (Ngữ văn - TT)	
	<i>Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ngữ văn)</i>	Đại học	Sư phạm Ngữ văn (7140217)	- Các ngành thuộc lĩnh vực: Nhân văn (722) - Các ngành thuộc nhóm ngành: Đào tạo giáo viên (71402)	1. Dạy học viết & nói- nghe: Lý thuyết & thực hành (Ngữ Văn - TT) 2. Dạy học đọc hiểu văn bản: Lý thuyết và thực hành (Ngữ Văn - TT)	4 5	Các ngành thuộc nhóm ngành: - Báo chí và truyền thông (73201) - Công nghệ giáo dục (ngành đại học: 7140103)	1. Thiết kế và triển khai nghiên cứu trong dạy học Ngữ văn (Ngữ Văn - TT) 2. Dạy học viết & nói- nghe: Lý thuyết & thực hành (Ngữ Văn - TT) 3. Dạy học đọc hiểu văn bản: Lý thuyết và thực hành (Ngữ Văn - TT)	3 4 5
11.6	<i>Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Địa lý)</i>	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (8140111)	- Lý luận và phương pháp dạy học (8140110) - Quản lý giáo dục (8140114) - Đo lường và đánh giá trong giáo dục (8140115)	1. Phát triển chương trình giáo dục 2. Dạy học Địa lý ở trường phổ thông theo tiếp cận phát triển năng lực (Sử- Địa-Chính Trị) 3. Địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội nâng cao (Sử- Địa-Chính Trị)	3 3 3	- Địa lý học (8310501) - Địa lý tự nhiên (8440217) - Địa lý tài nguyên và môi trường (8440220)	1. Thiết kế nghiên cứu trong khoa học giáo dục 2. Ứng dụng công nghệ trong giáo dục 3. Đánh giá phát triển phẩm chất, năng lực người học 4. Địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội nâng cao (Sử-Địa-Chính Trị) 5. Dạy học Địa lý ở trường phổ thông theo tiếp cận phát triển năng lực (Sử-Địa-Chính Trị) 6. Phát triển chương trình giáo dục	3 3 3 3 3
	<i>Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Địa lý)</i>	Đại học	- Sư phạm Địa lý (7140219) - Sư phạm Lịch sử - Địa lý (7140249)	- Địa lý học (7310501) - Địa lý tự nhiên (7440217)	1. Giáo dục học; 2. Lý luận và phương pháp dạy học Địa lý ở trường phổ thông (Sử-Địa-Chính trị)	3 4	- Địa chất học (7440201) - Bản đồ học (7440212) - Khí tượng và khí hậu học (7440222)	1. Địa lý kinh tế đại cương (Sử-Địa-Chính trị) 2. Địa lý các vấn đề kinh tế - xã hội thế giới (Sử- Địa-Chính trị)	3 2 3 3 4

TT	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH TIỀN SĨ DỰ TUYỂN	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH PHỤ HỢP MỨC 1 (NGÀNH ĐÚNG)	NGÀNH PHỤ HỢP MỨC 2 (NGÀNH GẦN)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH GẦN)		NGÀNH PHỤ HỢP MỨC 3 (NGÀNH PHỤ HỢP KHÁC)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH PHỤ HỢP KHÁC)	
					Tên học phần	Số tín chỉ		Tên học phần	Số tín chỉ
							- Thủy văn học (7440224)	3. Địa lý dân cư và các ngành kinh tế Việt Nam (Sử-Địa-Chính trị) 4. Giáo dục học; 5. Lý luận và phương pháp dạy học Địa lý ở trường phổ thông (Sử- Địa-Chính trị)	
11.7	<i>Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Âm nhạc)</i>	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Âm nhạc) (8140111)	- Âm nhạc học (8210201) - Nghệ thuật âm nhạc (8210202) - Biểu diễn nhạc cụ phương Tây (ngành đại học: 7210207) - Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (ngành đại học: 7210210) - Biểu diễn thanh nhạc - Chỉ huy âm nhạc (ngành đại học: 7210204) - Sáng tác âm nhạc (ngành đại học: 7210203)	1. Lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc (GDNT- TC) 2. Phân tích chương trình môn âm nhạc ở trường phổ thông (GDNT-TC) 3. Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành âm nhạc (GDNT- TC)	3 3 3			
	<i>Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Âm nhạc)</i>	Đại học	Sư phạm Âm nhạc (7140221)	- Thanh nhạc (7210205) - Biểu diễn nhạc cụ phương Tây (7210207) - Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (7210210) - Âm nhạc học (7210201) - Sáng tác âm nhạc (7210203)	1. Lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc (GDNT- TC) 2. Phân tích chương trình môn âm nhạc ở trường phổ thông (GDNT-TC)	4 4			

TT	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH TIẾN SĨ DỰ TUYỂN	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 1 (NGÀNH ĐÚNG)	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 2 (NGÀNH GẦN)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH GẦN)		NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 3 (NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	
					Tên học phần	Số tín chỉ		Tên học phần	Số tín chỉ
				- Piano (7210208) - Chỉ huy âm nhạc (7210204)					
11.8	<i>Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Giáo dục công dân)</i>	Thạc sĩ	- Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Giáo dục công dân) (8140111); - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Giáo dục pháp luật) (8140111); - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Giáo dục chính trị) (8140111); - Giáo dục học (Giáo dục chính trị) (8140101); - Giáo dục học (Giáo dục công dân) (8140101).	- Giáo dục học (8140101); - Giáo dục đặc biệt (8140118); - Quản lý giáo dục (8140114); - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ngữ Văn) (8140111); - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Lịch Sử) (8140111); - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Địa Lý) (8140111); - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Lịch Sử - Địa Lý) (8140111); - Giáo dục học (Giáo dục thể chất) (8140101); - Giáo dục học (Giáo dục quốc phòng- An ninh) (8140101).	1. Những vấn đề mới trong dạy và học môn giáo dục công dân(S-Đ-CTr) 2. Những vấn đề mới trong nghiên cứu và giảng dạy môn giáo dục kinh tế và pháp luật (S-Đ-CTr)	2 3	- Luật (8380101); - Luật Kinh tế (8380107); - Luật quốc tế (8380108); - Luật hiến pháp và luật hành chính (8380102); - Luật dân sự và tổ tụng dân sự (8380103); - Luật hình sự và tổ t tụng hình sự (8380104); - Hành chính công (ngành cũ); - Quản lý nhà nước (ngành đại học: 7310205); - Lịch sử (ngành đại học: 7229010), - văn học (8229030); - Xã hội học (8310301); - Khoa học quản lý (8340401); - Tâm lý học giáo dục (ngành đại học: 7310403); - Công tác xã hội (8760101); - Quan hệ công chúng (8320108);	1. Những vấn đề mới trong dạy và học môn giáo dục công dân (S-Đ- CTr) 2. Những vấn đề mới trong nghiên cứu và giảng dạy môn giáo dục kinh tế và pháp luật (S- Đ-CTr)	3 4

TT	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH TIẾN SĨ DỰ TUYỂN	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 1 (NGÀNH ĐÚNG)	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 2 (NGÀNH GẦN)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH GẦN)		NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 3 (NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	
					Tên học phần	Số tín chỉ		Tên học phần	Số tín chỉ
							<ul style="list-style-type: none"> - Công tác thanh thiếu niên (ngành đại học: 7760102); - Chính trị học (8310201); - Triết học (8229001); - Chủ nghĩa xã hội khoa học (8229008); - Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước (8310202); - Kinh tế chính trị (8310102). 		
	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Giáo dục công dân)	Đại học	Giáo dục công dân (7140204); Giáo dục pháp luật (7140248); Giáo dục chính trị (7140205).	Giáo dục học (7140101); Giáo dục đặc biệt (7140203); Quản lý giáo dục (7140114); Sư phạm Ngữ Văn (7140217); SP Lịch Sử (7140218); SP Địa Lý (7140219); SP Lịch Sử - Địa Lý (7140249)	1. Phân tích chương trình giáo dục công dân ở trường phổ thông (S-Đ-CTr) 2. Lý luận và phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân (S-Đ-CTr) 3. Đạo đức nghề nghiệp (S-Đ-CTr)	3 3 2	<ul style="list-style-type: none"> - Luật (73801); - Luật Kinh tế (7380107); - Luật quốc tế (7380108); - Luật hiến pháp và luật hành chính (7380102); - Luật dân sự và tố tụng dân sự (7380103); - Luật hình sự và tố tụng hình sự (7380104); - Hành chính công (Quản lý công - 7340403); - Hành chính công (ngành cũ); - Kinh tế (7310101); - Kinh tế số (7310109); - Quản lý nhà nước (7310205); - Lịch sử (7229010), 	1. Phân tích chương trình giáo dục công dân ở trường phổ thông (S-Đ-CTr) 2. Lý luận và phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân (S-Đ-CTr) 3. Đạo đức nghề nghiệp (S-Đ-CTr)	4 4 3

TT	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH TIẾN SĨ DỰ TUYỂN	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 1 (NGÀNH ĐÚNG)	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 2 (NGÀNH GẦN)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH GẦN)		NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 3 (NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	
					Tên học phần	Số tín chỉ		Tên học phần	Số tín chỉ
							<ul style="list-style-type: none"> - Văn học (7229030); - Xã hội học (7310301); - Giáo dục thể chất (7140206); - Khoa học quản lý (7340401); - Tâm lý học giáo dục (7310403); - Giáo dục Quốc phòng - An ninh (7140208); - Công tác xã hội (7760101); - Quan hệ công chúng (7320108); - Công tác thanh thiếu niên (7760102); - Chính trị học (7310201); - Triết học (7229001); - Chủ nghĩa xã hội khoa học (7229008); - Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước (7310202); - Kinh tế chính trị (7310102). 		
11.9	<i>Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Hóa học)</i>	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Hóa học) (8140111)	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Khoa học tự nhiên (8140111)	1. Chuyên đề Lý luận dạy học Hóa học hiện đại (Lý - Hóa) 2. Chuyên đề Hóa học nâng cao ở trường phổ thông (Lý - Hóa)	3 3	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa học (8440112) - Hóa hữu cơ (8440114) - Hóa lý thuyết và hóa lý (8440119) - Hóa vô cơ (8440113) - Hóa phân tích (8440118) 	1. Thiết kế nghiên cứu trong KHGD 2. Ứng dụng công nghệ trong giáo dục 3. Chuyên đề Lý luận dạy học Hóa học hiện đại (Lý - Hóa) 4. Đánh giá phát triển phẩm chất, năng lực	3 3 3 3

TT	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH TIỀN SĨ DỰ TUYỂN	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 1 (NGÀNH ĐÚNG)	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 2 (NGÀNH GẦN)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH GẦN)		NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 3 (NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	
					Tên học phần	Số tín chỉ		Tên học phần	Số tín chỉ
								người học	
	<i>Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Hóa học)</i>	Đại học	Sư phạm Hóa học (7140212)	Sư phạm Khoa học tự nhiên (7140247)	1. Lý luận dạy học môn Hóa học (Lý - Hóa) 2. Phương pháp dạy học môn Hóa học (Lý - Hóa)	3 3	Hóa học (7440112)	5. Phát triển chương trình giáo dục 1. Lý luận dạy học môn Hóa học (Lý - Hóa) 2. Phương pháp dạy học môn Hóa học (Lý - Hóa) 3. Kiểm tra đánh giá trong dạy học Hóa học (Lý - Hóa) 4. Phát triển chương trình hóa học ở trường phổ thông (Lý - Hóa)	3 3 3 2
11.10	<i>Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Khoa học tự nhiên)</i>	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Khoa học tự nhiên) (8140111)				- Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Vật lý) (8140111) - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Hóa học) (8140111) - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Sinh học) (8140111)	1. Lý luận và phương pháp dạy học môn Khoa học tự nhiên (Lý - Hóa) 2. Dạy học tích hợp trong môn Khoa học tự nhiên (Lý - Hóa) 3. Thí nghiệm môn Khoa học tự nhiên (Lý - Hóa) 4. Giáo dục STEM trong môn Khoa học tự nhiên (Lý - Hóa) 5. Các xu hướng dạy học hiện đại 6. Đánh giá phát triển phẩm chất, năng lực người học	3 3 3 3 3
		Đại học	Sư phạm Khoa học tự nhiên (7140247)	Sư phạm Công nghệ (7140246)	1. Vật lý đại cương (Lý - Hóa) 2. Hóa học đại cương (Lý - Hóa)	3 3 3			

TT	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH TIỀN SĨ DỰ TUYỂN	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 1 (NGÀNH ĐÚNG)	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 2 (NGÀNH GẦN)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH GẦN)		NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 3 (NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	
					Tên học phần	Số tín chỉ		Tên học phần	Số tín chỉ
					3. Sinh học đại cương (Lý - Hóa)				
				Sư phạm Vật lý (7140211)	1. Hóa học đại cương (Lý - Hóa) 2. Sinh học đại cương (Lý - Hóa)	4 4			
				Sư phạm Hóa học (7140212)	1. Vật lý đại cương (Lý - Hóa) 2. Sinh học đại cương (Lý - Hóa)	4 4			
				Sư phạm Sinh học (7140213)	1. Vật lý đại cương (Lý - Hóa) 2. Hóa học đại cương (Lý - Hóa)	4 4			
11.11	<i>Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Lịch sử)</i>	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Lịch sử) (8140111)	- Lý luận và PPDH bộ môn (814011), - Giáo dục học (8140101), - Lý luận và PPDH (8140110), - Quản lý giáo dục (8140114), - Đo lường và đánh giá trong giáo dục (8140115)	1. Dạy học tích hợp và phân hoá trong môn Lịch sử ở trường phổ thông (Sử-Địa-Chính Trị) 2. Sử dụng tư liệu trong dạy học lịch sử (Sử-Địa-Chính Trị) 3. Một số vấn đề mới về Lịch sử Thế giới và Lịch sử Việt Nam (Sử-Địa-Chính Trị)	3 3 3	- Lịch sử thế giới (8229011), - Lịch sử Việt Nam (8229013), - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (8229015), - Việt Nam học (8310630), - Hồ Chí Minh học (8310204), - Quan hệ quốc tế (8310206)	1. Dạy học tích hợp và phân hoá trong môn Lịch sử ở trường phổ thông (Sử-Địa-Chính Trị) 2. Sử dụng tư liệu trong dạy học lịch sử (Sử-Địa-Chính Trị) 3. Giáo dục học; 4. Một số vấn đề mới về Lịch sử Thế giới và Lịch sử Việt Nam (Sử-Địa-Chính Trị)	3 3 3 3
	<i>Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Lịch sử)</i>	Đại học	Sư phạm Lịch sử (7140218) Sư phạm Lịch sử - Địa lý (7140249)	Sư phạm Địa lý (7140219); Sư phạm Ngữ văn (7140217); Giáo dục chính trị (7140205); Giáo dục công dân (7140204);	1. Lý luận và phương pháp dạy học lịch sử (S-Đ-CTr) 2. Đại cương Lịch sử Việt Nam (S-Đ-CTr) 3. Đại cương Lịch sử thế giới (S-Đ-CTr)	3 3 3	- Lịch sử (7229010); - Quan hệ quốc tế (7310206); - Việt Nam học (7310630)	1. Lý luận và phương pháp dạy học lịch sử (S-Đ-CTr) 2. Đại cương Lịch sử Việt Nam (S-Đ-CTr) 3. Giáo dục học (TLGD-CTXH)	3 3 3 3

TT	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH TIẾN SĨ DỰ TUYỂN	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 1 (NGÀNH ĐÚNG)	NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 2 (NGÀNH GẦN)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH GẦN)		NGÀNH PHÙ HỢP MỨC 3 (NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (ĐỐI VỚI NGÀNH PHÙ HỢP KHÁC)	
					Tên học phần	Số tín chỉ		Tên học phần	Số tín chỉ
				Giáo dục pháp luật (7140248); Giáo dục học (7140101); Công nghệ giáo dục (7140103); Quản lý giáo dục (7140114)				4. Đại cương Lịch sử thế giới (S-Đ-CTr)	

* Các trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh quyết định./.